

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thúy Huyền
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lương Khánh Chi

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH
THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Nguyễn Thúy Huyền

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lương Khánh Chi

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thúy Huyền

Mã SV: 1354010268

Lớp : QT1305K

Ngành: Kế toán – Kiểm

toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định
kết quả

kinh doanh tại Công ty cổ phần Thép Việt Nhật

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
 - Trình bày thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.
 - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật, trên cơ sở đề xuất một số biện pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
Sử dụng số liệu kế toán Quý IV/ Năm 2012 của Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên : Lương Khánh Chi

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	12
1.1. Tổng quan về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	12
1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp	12
1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp	15
1.1.2.1. Khái niệm và nội dung doanh thu	15
1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16
1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	18
1.3. Nhiệm vụ của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	20
1.4. Nội dung của tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	21
1.4.1. Tổ chức kế toán chi phí.....	21
1.4.1.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	21
1.4.1.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	27
1.4.1.3. Kế toán chi phí tài chính	32
1.4.1.4. Kế toán chi phí khác.....	34
1.4.1.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	35
1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu	38
1.4.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38
1.4.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	44
1.4.2.3. Kế toán thu nhập khác.....	46
1.4.2.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	48
1.4.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh	51

1.4.4. Tổ chức sổ sách kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	53
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT	55
2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần thép Việt Nhật.	55
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần thép Việt Nhật.....	55
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần thép Việt Nhật.	58
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần thép Việt Nhật.....	60
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.	64
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.....	64
2.1.4.2. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.	66
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.	67
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty	67
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.....	68
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí tại công ty.....	68
2.2.1.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	68
2.2.1.2. Kế toán chi phí bán hàng.....	82
2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	91
2.2.1.4. Kế toán chi phí tài chính	98
2.2.1.5. Kế toán chi phí khác.....	103
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu tại công ty.....	103
2.2.2.1. Phương thức bán hàng và thanh toán tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật.	103
2.2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng.....	104
2.2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	116

2.2.2.4. Kế toán thu nhập khác.....	121
2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.	121

CHƯƠNG 3. BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT 133

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật	133
3.1.1. Ưu điểm.....	133
3.1.2. Hạn chế.....	135
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật.....	136
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh	136
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh	136
3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.....	137
KẾT LUẬN	148
TÀI LIỆU THAM KHẢO	149

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển, nhất định phải có phương án kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế. Để đạt được mục tiêu lợi nhuận: Đạt lợi nhuận cao và an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty phải tiến hành đồng bộ các biện pháp quản lý, trong đó hạch toán kế toán là công cụ quan trọng không thể thiếu để tiến hành quản lý các hoạt động kinh tế, kiểm tra việc sử dụng, quản lý tài sản, hàng hóa nhằm đảm bảo tính năng động, sáng tạo và tự chủ trong sản xuất kinh doanh, tính toán và xác định hiệu quả của từng hoạt động sản xuất kinh doanh làm cơ sở vạch ra chiến lược kinh doanh.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty cổ phần thép Việt Nhật, em nhận thấy kế toán nói chung và tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là một bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện. Vì vậy em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Việt Nhật”** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu những nhận thức chung nhất về tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Nắm rõ về tình hình thực tế về tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.

Đưa ra những đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

3. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu và hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.

4. Đối tượng nghiên cứu

Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: đi từ lý luận đến thực tiễn, lấy thực tế để kiểm tra lý luận.

Phương pháp cụ thể: phương pháp trình bày, diễn giải, so sánh, phân tích, quy nạp...

- Phương pháp thống kê: dựa trên những số liệu đã được thống kê để phân tích, so sánh, đối chiếu từ đó nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục cho Công ty nói chung và cho tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

6. Kết cấu

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận còn gồm 3 phần:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.

Chương 3: Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.

Nhờ sự hướng dẫn, quan tâm chỉ bảo tận tình của cô giáo – Ths.Lương Khánh Chi cùng sự giúp đỡ của các anh chị phòng kế toán công ty cổ phần thép Việt Nhật đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này. Tuy nhiên do trình độ nghiệp vụ và hiểu biết thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự nhận xét và đóng góp ý kiến của các thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp

❖ Khái niệm

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

❖ Nội dung chi phí

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

- **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

▪ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; thuế, phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

▪ **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán ngắn hạn, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

▪ **Chi phí khác:** Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác

▪ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

- Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp :

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp

1.1.2.1. Khái niệm và nội dung doanh thu

❖ Khái niệm

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ Nội dung doanh thu

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...
- Thu phí quản lý do cấp dưới nộp lên.

- **Doanh thu bán hàng nội bộ:** phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ hoặc tiêu dùng nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;....
- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

▪ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoàn lại
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

➤ **Chiết khấu thương mại:**

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm

trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán, như: bán hàng (sản phẩm, hàng hóa), cung cấp dịch vụ.

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- **Giá trị hàng bán bị trả lại:**

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

- **Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu

loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

❖ Khái niệm

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm của doanh nghiệp trong thời kì nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ trong một thời kì nhất định.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

❖ Công thức xác định kết quả kinh doanh

$$\text{Kết quả KD} = \text{Kết quả hoạt động SXKD} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Cụ thể: + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Doanh thu thuần} & & \text{Giá} & & \text{Chi phí} \\ \text{động sản xuất} & & \text{từ bán hàng và} & & \text{vốn} & & \text{bán} \\ \text{kinh doanh} & = & \text{cung cấp dịch} & - & \text{hàng} & - & \text{hàng} \\ & & \text{vụ} & & \text{bán} & & \text{doanh} \\ & & & & & & \text{ng nghiệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Doanh thu thuần từ bán} & & \text{Doanh thu bán hàng và} & & \text{Các khoản giảm} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} & = & \text{cung cấp dịch vụ} & - & \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

+ Kết quả hoạt động tài chính:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Kết quả hoạt động tài} & & \text{Doanh thu hoạt động tài} & & \text{Chi phí tài} \\ & & & & \\ & & & & \\ \text{chính} & = & \text{chính} & - & \text{chính} \end{array}$$

+ Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ chi phí, doanh thu để biết được kinh doanh mặt hàng nào, lĩnh vực nào đạt hiệu quả cao, đồng thời xem xét, phân tích những mặt nào còn hạn chế. Từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra giải pháp, chiến lược kinh doanh đúng đắn nhất. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải hiểu rõ vai trò của chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh để có thể tổ chức công tác kế toán thật hợp lý và phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp. Công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh không chỉ có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa đối với các tổ chức, cá nhân. Trên cơ sở đó giúp họ đưa ra được sự đánh giá, quyết định đúng đắn cho mục đích của mình.

❖ Đối với doanh nghiệp

Việc tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước.
- Thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

❖ Đối với nhà nước

Việc tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước.

- Trên cơ sở các số liệu về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo về điều kiện chính trị – an ninh – xã hội tốt nhất.

- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của nhà nước, việc xác định chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

❖ Đối với nhà đầu tư

Thông qua các chỉ tiêu về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

❖ Đối với tổ chức trung gian tài chính

Các số liệu về chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định chi vay vốn đầu tư.

1.3. Nhiệm vụ của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh

hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản chi phí và doanh thu.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.
- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.
- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

1.4. Nội dung của tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.4.1. Tổ chức kế toán chi phí

1.4.1.1. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ *Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán*

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Do mỗi doanh nghiệp có đặc điểm riêng, yêu cầu trình độ quản lý, điều kiện trang thiết bị khác nhau mà sử dụng phương pháp xác định trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho cho phù hợp. Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 việc tính giá thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

+ **Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ**

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ} = \frac{\begin{array}{c} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{hóa nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Số lượng hàng} \\ \text{hóa tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{c} \text{Trị giá thực tế của hàng} \\ \text{xuất trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Số lượng hàng xuất} \\ \text{trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng tới công tác quyết toán nói chung.

+ **Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn)**

$$\begin{array}{c} \text{Đơn giá đơn vị bình quân sau} \\ \text{mỗi lần nhập} \end{array} = \frac{\begin{array}{c} \text{Giá thực tế hàng hóa tồn kho sau mỗi} \\ \text{lần nhập} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Lượng thực tế hàng hóa tồn kho sau} \\ \text{mỗi lần nhập} \end{array}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

+ **Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng

xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

+ **Phương pháp Nhập sau – Xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

+ **Phương pháp tính theo giá đích danh**

Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít hàng hóa, mặt hàng ổn định và nhận diện được hoặc doanh nghiệp quản lý hàng hóa theo lô hàng nhập. Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó. Phương pháp này thường sử dụng với những loại hàng có giá trị cao, thường xuyên có cải tiến về mẫu mã và chất lượng.

❖ ***Chứng từ sử dụng***

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Tài khoản sử dụng***

Kế toán sử dụng TK 632 – “ Giá vốn hàng bán ” để hạch toán.

Kết cấu và nội dung của TK 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm

kê định kỳ.

- **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên**

Kết cấu TK 632 – Giá vốn hàng bán

Nợ	TK 632	Có
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh : + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ; + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư: + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ; + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư; + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ; + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ; + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “ Xác định kết quả hoạt động KD ”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động KD; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

- **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**
 - Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 - "Mua hàng"

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 .
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

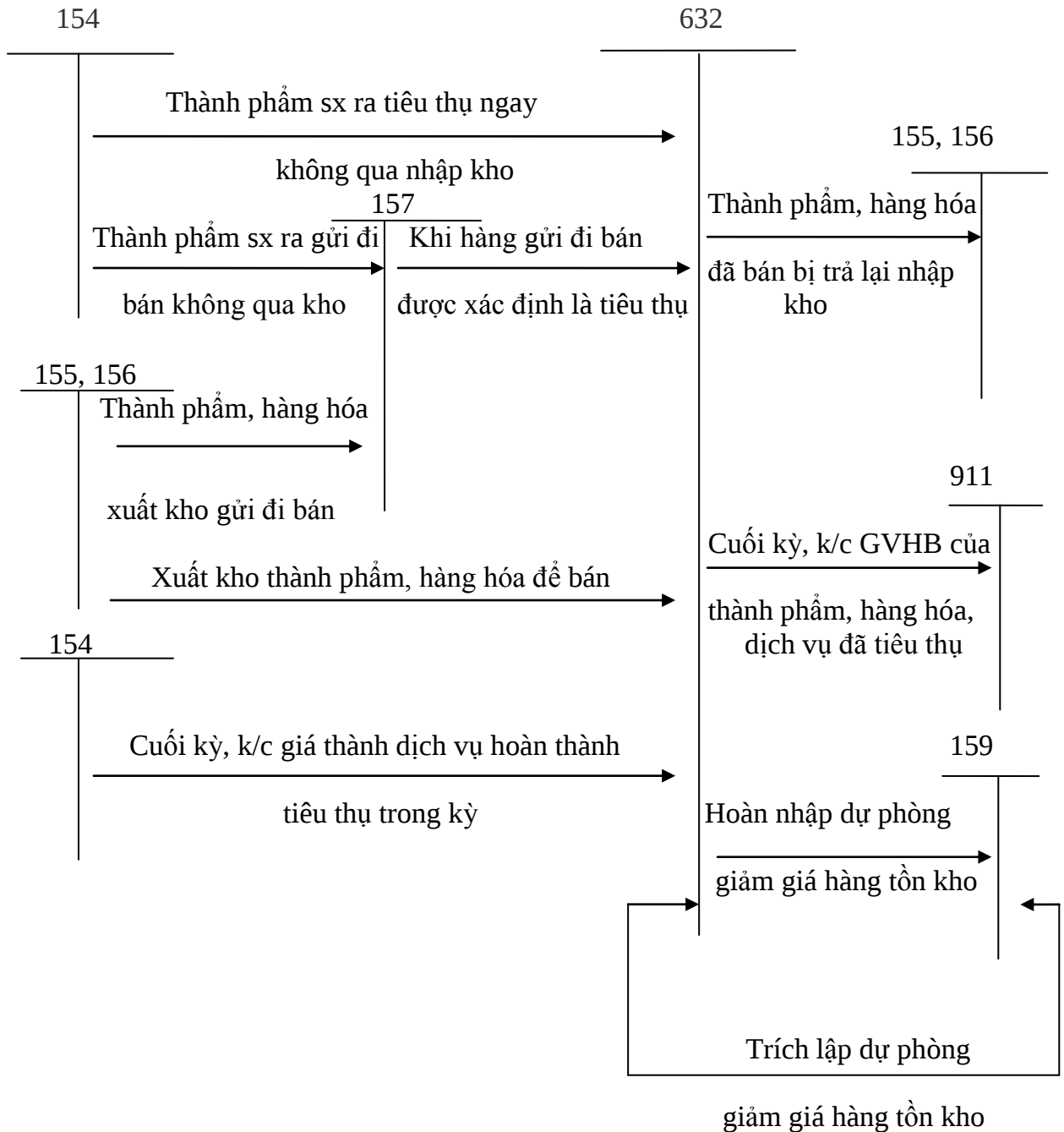
- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm tài khoản 631 - "Giá thành sản xuất"

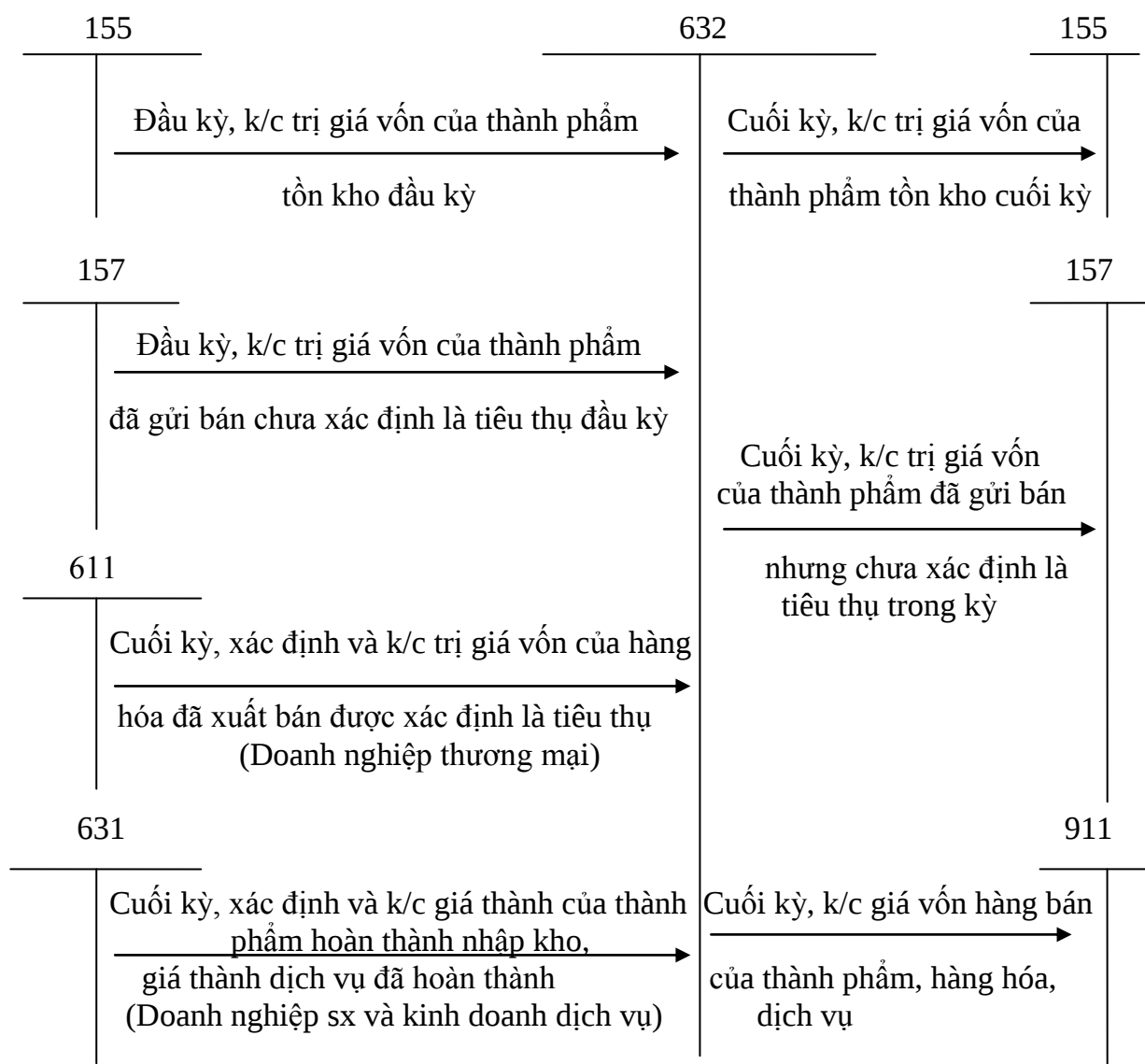
Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết); - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.		- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - K/C giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

❖ *Phương pháp kế toán*

Sơ đồ 1.1: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**1.4.1.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****❖ Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, phiếu kế toán ...

❖ **Tài khoản sử dụng**▪ **TK 641 “ Chi phí bán hàng”**

- TK 641 có 7 tài khoản cấp 2:

*TK 6411 - Chi phí nhân viên**TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì**TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng**TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ**TK 6415 - Chi phí bảo hành sản phẩm**TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài**TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác*

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 641

Nợ	TK 641	Có
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ.		Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 641 không có số dư cuối kỳ▪ **TK 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

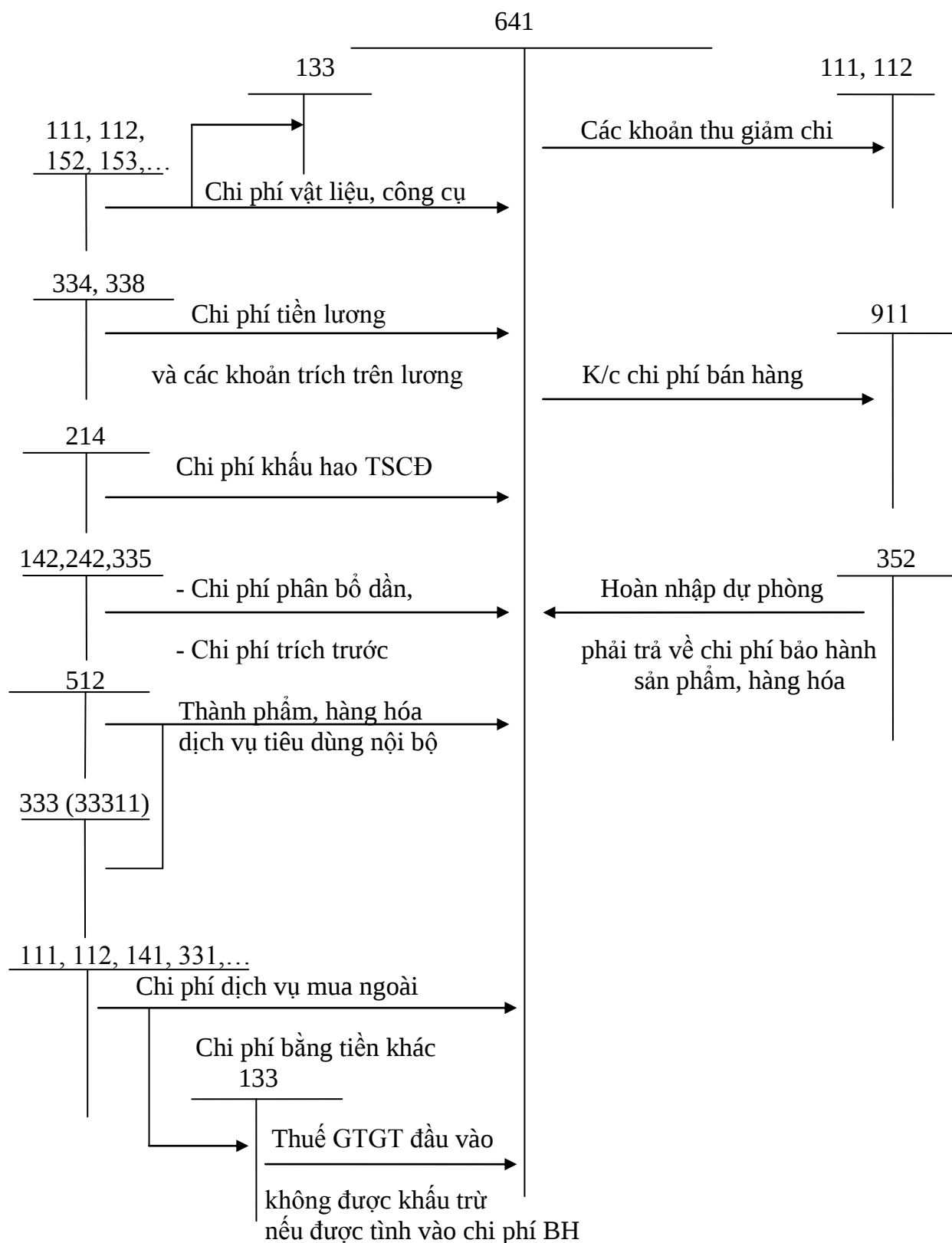
- TK 642 có 8 tài khoản cấp 2:

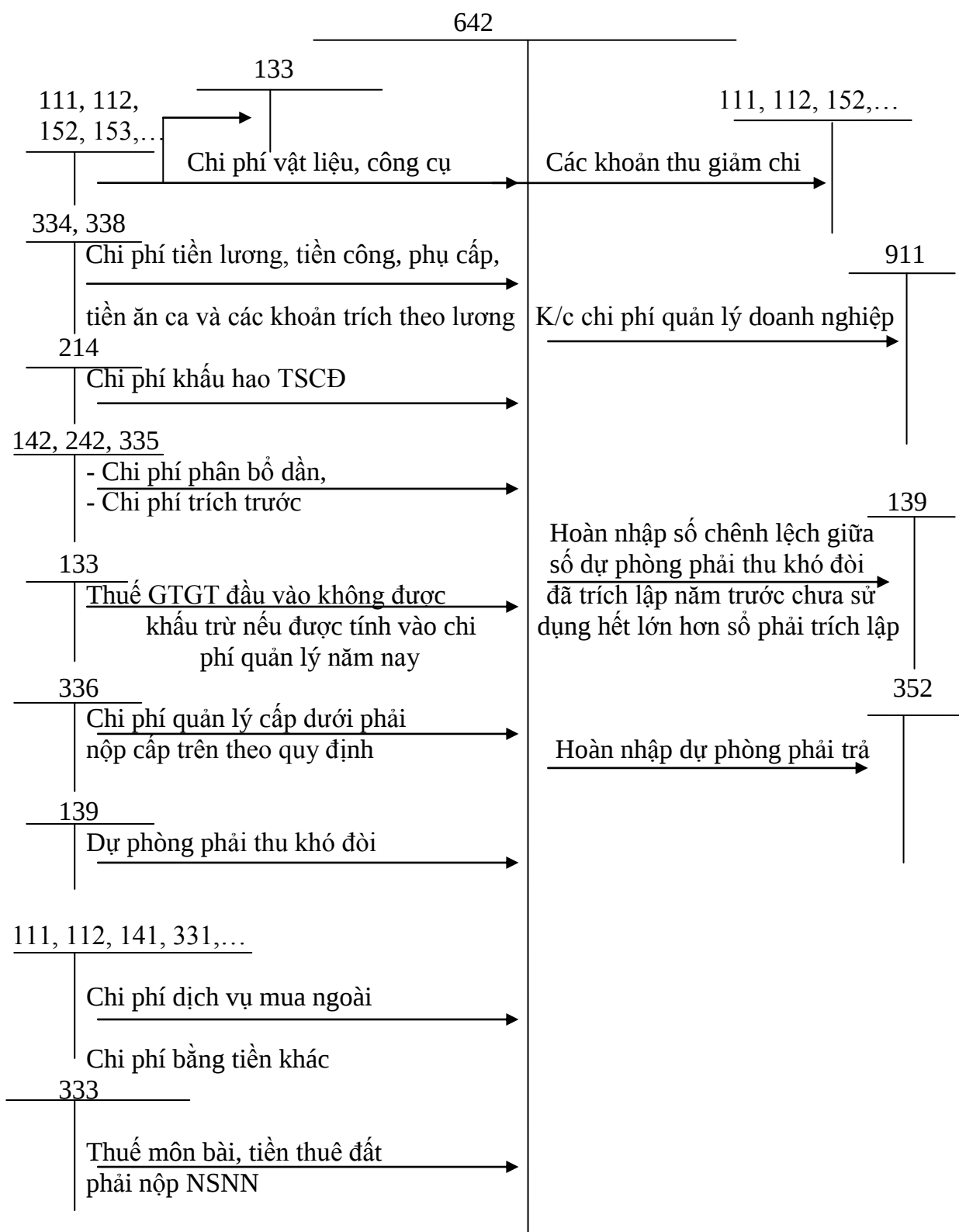
*TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý**TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý**TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng**TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định**TK 6425: Thuế, phí và lệ phí**TK 6426: Chi phí dự phòng**TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài**TK 6428: Chi phí bằng tiền khác*

➤ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 642

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 642 không có số dư cuối kỳ		

❖ *Phương pháp kế toán*

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí bán hàng

Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.4.1.3. Kế toán chi phí tài chính**❖ Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

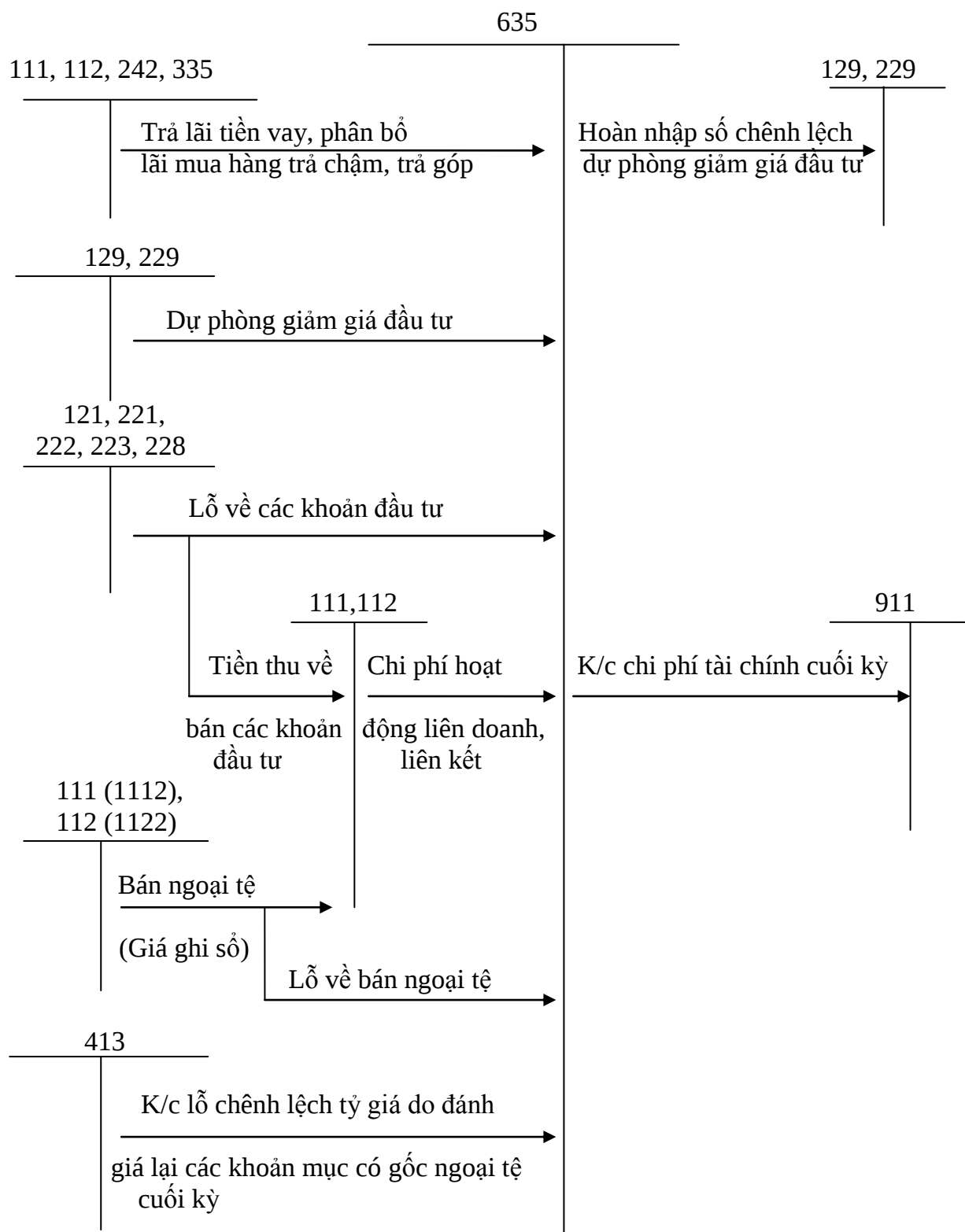
Kế toán sử dụng TK 635 – “Chi phí tài chính” để hạch toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 635:

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí tài chính

1.4.1.4. Kế toán chi phí khác**❖ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

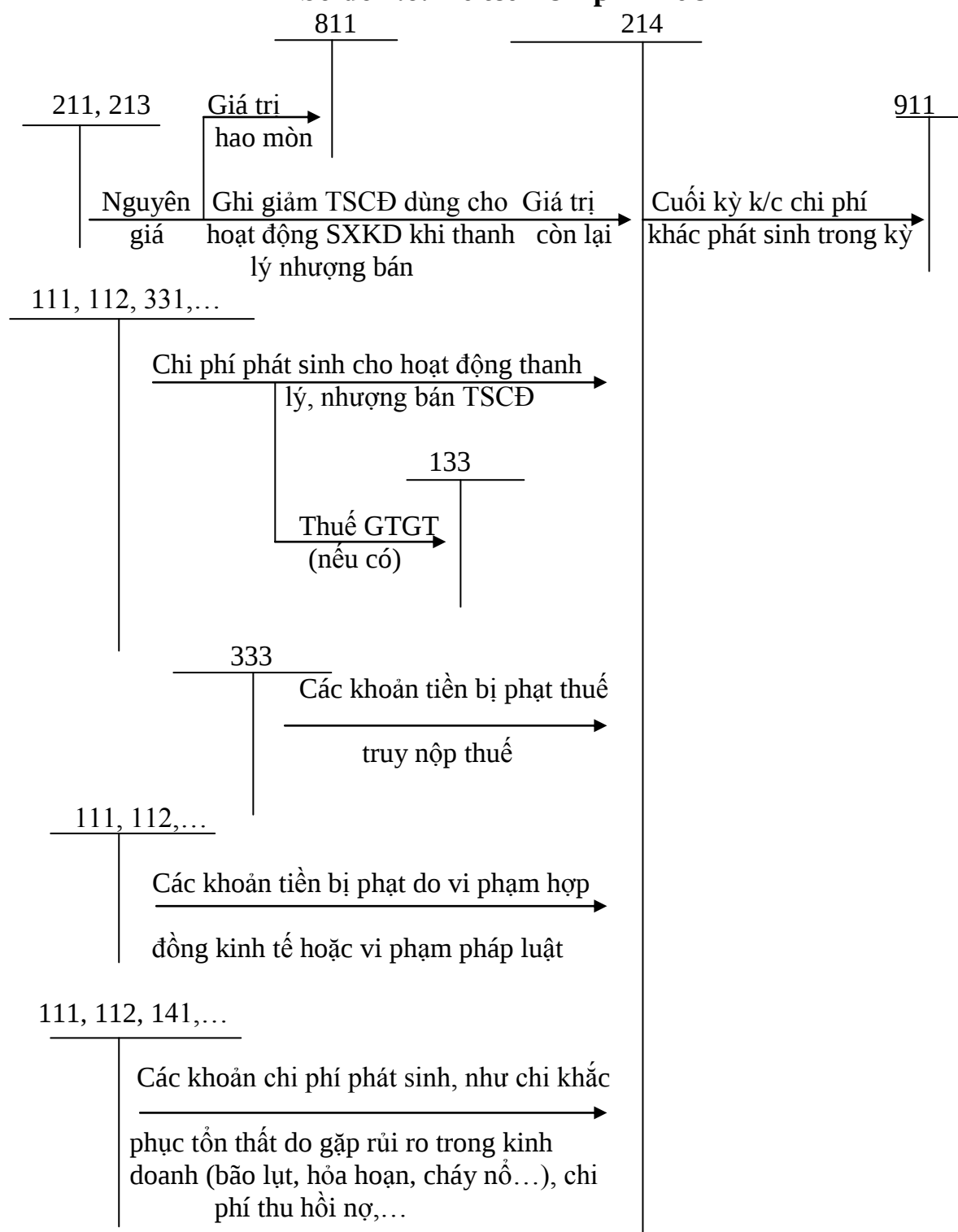
❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 811– “Chi phí khác” để hạch toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 811:

Nợ	TK 811	Có
Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 811 không có số dư cuối kỳ		

❖ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí khác**1.4.1.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp****❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

❖ **Tài khoản sử dụng**

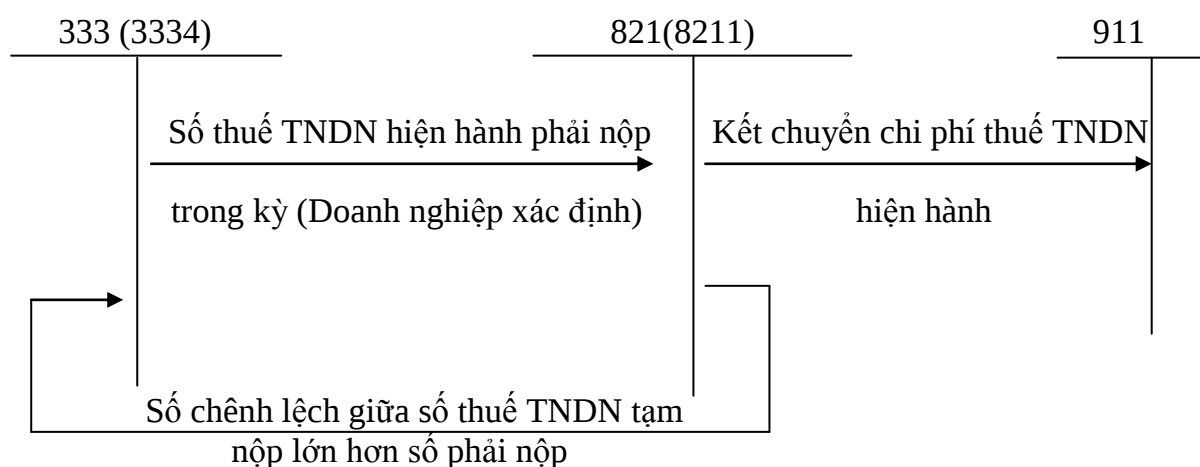
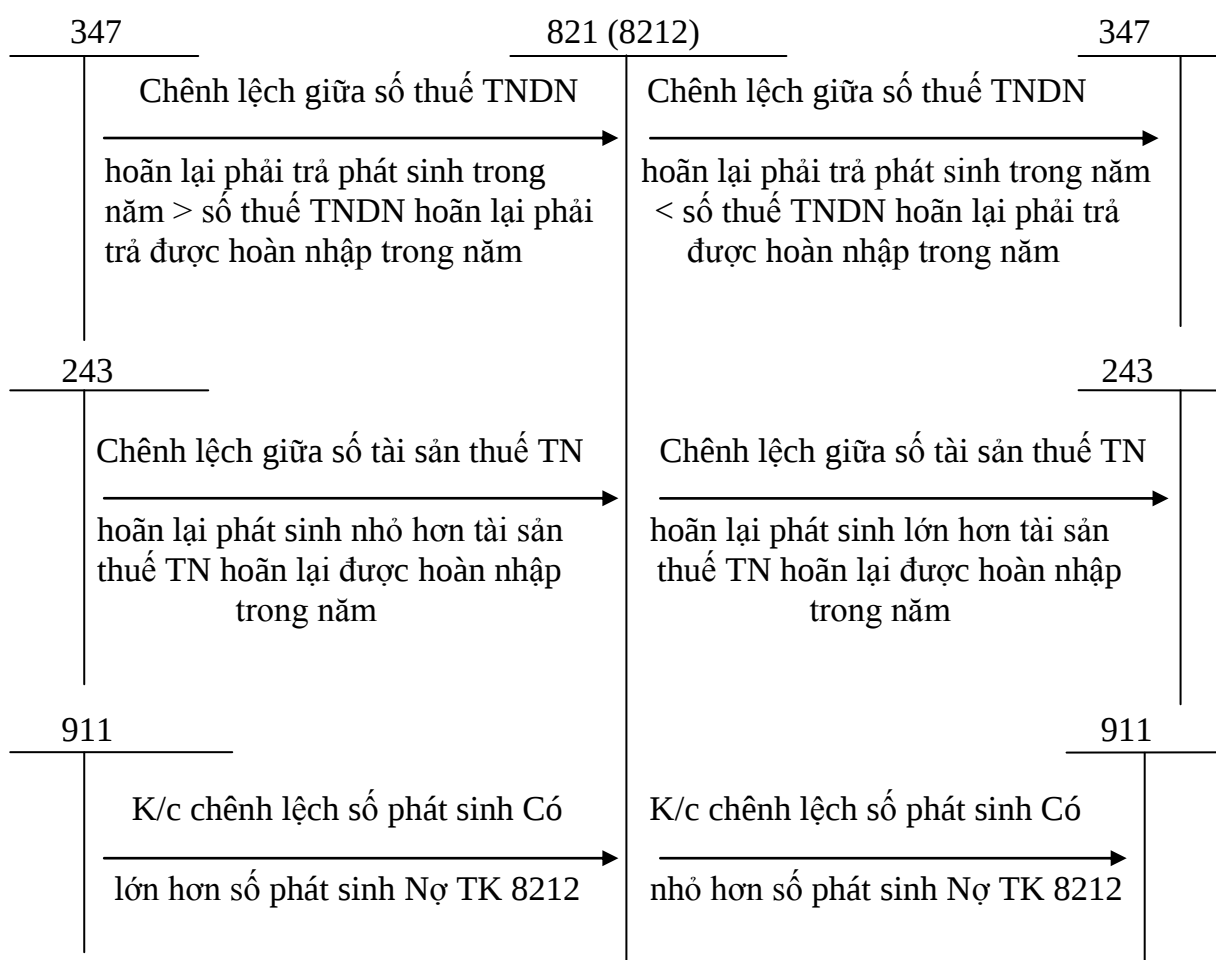
- Kế toán sử dụng TK 821 – “Chi phí thuế TNDN” để hạch toán.
- TK 821 có 2 tài khoản cấp 2

TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 821

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm); - Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm); - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 -"Chi phí thuế TNDN hoãn lại" lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm); - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911; - Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 .	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 821 không có số dư cuối kỳ		

❖ *Phương pháp kế toán***Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành****Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu**1.4.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các qui định trong chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực khác có liên quan.

▪ Đối với doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

▪ Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động

sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu do các nguyên nhân: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo điều kiện về quy cách, phẩm chất ghi trong hợp đồng kinh tế), và doanh nghiệp phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế mà doanh nghiệp đã thực hiện trong một kỳ kế toán.

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán; dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã bán trong kỳ không phân biệt doanh thu đã thu tiền hoặc sẽ thu được tiền.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

▪ TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ”

- TK 511 có 6 tài khoản cấp 2:

TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK 5118 – Doanh thu khác

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 511

Nợ	TK 511	Có
- Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Doanh thu hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 511 không có số dư cuối kỳ

▪ **TK 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ ”**

- TK 512 có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5121 – Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm

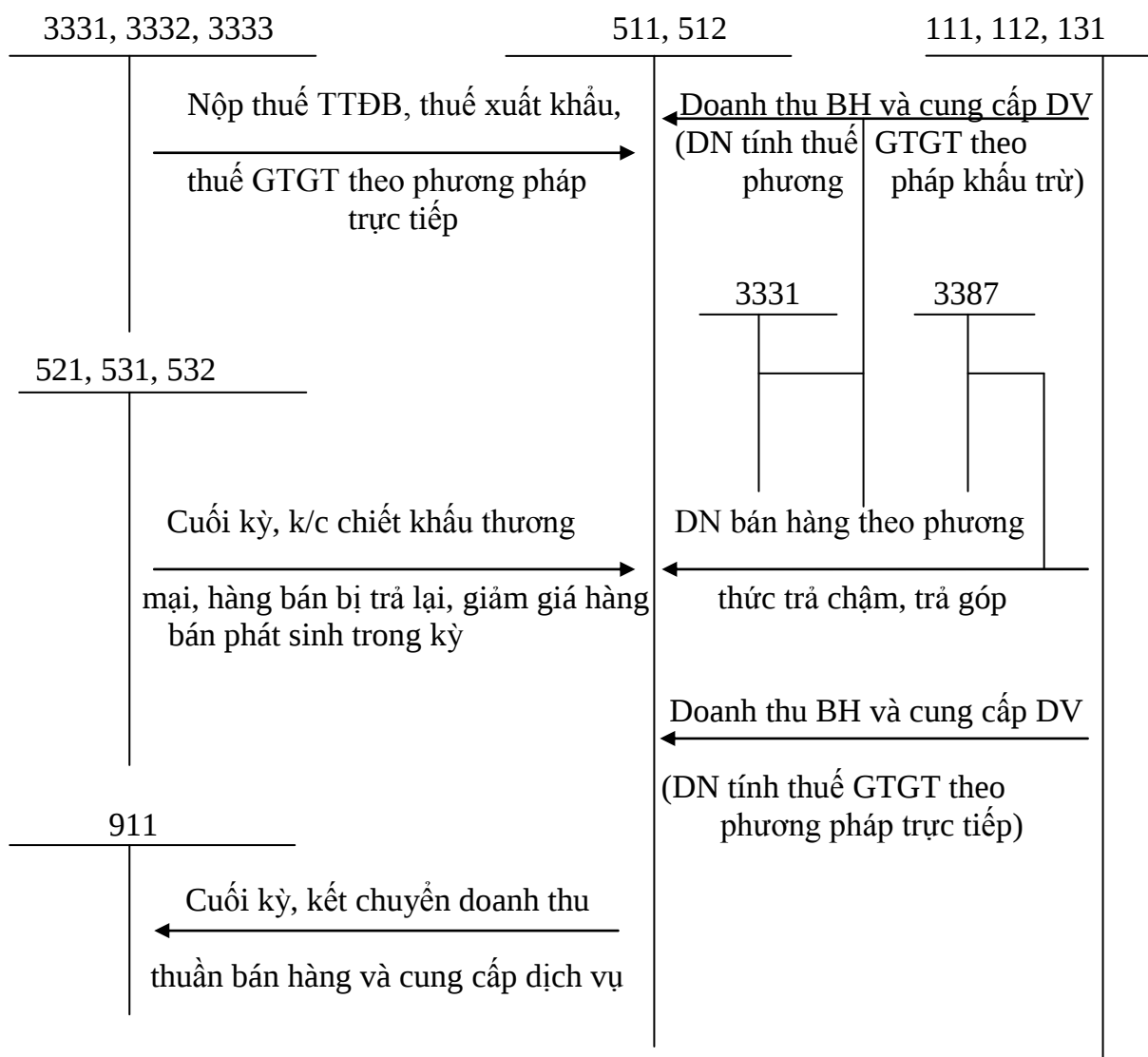
TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

➤ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 512

Nợ	TK 512	Có
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán; - Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ; - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”		Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 512 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.9: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.4.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**❖ Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

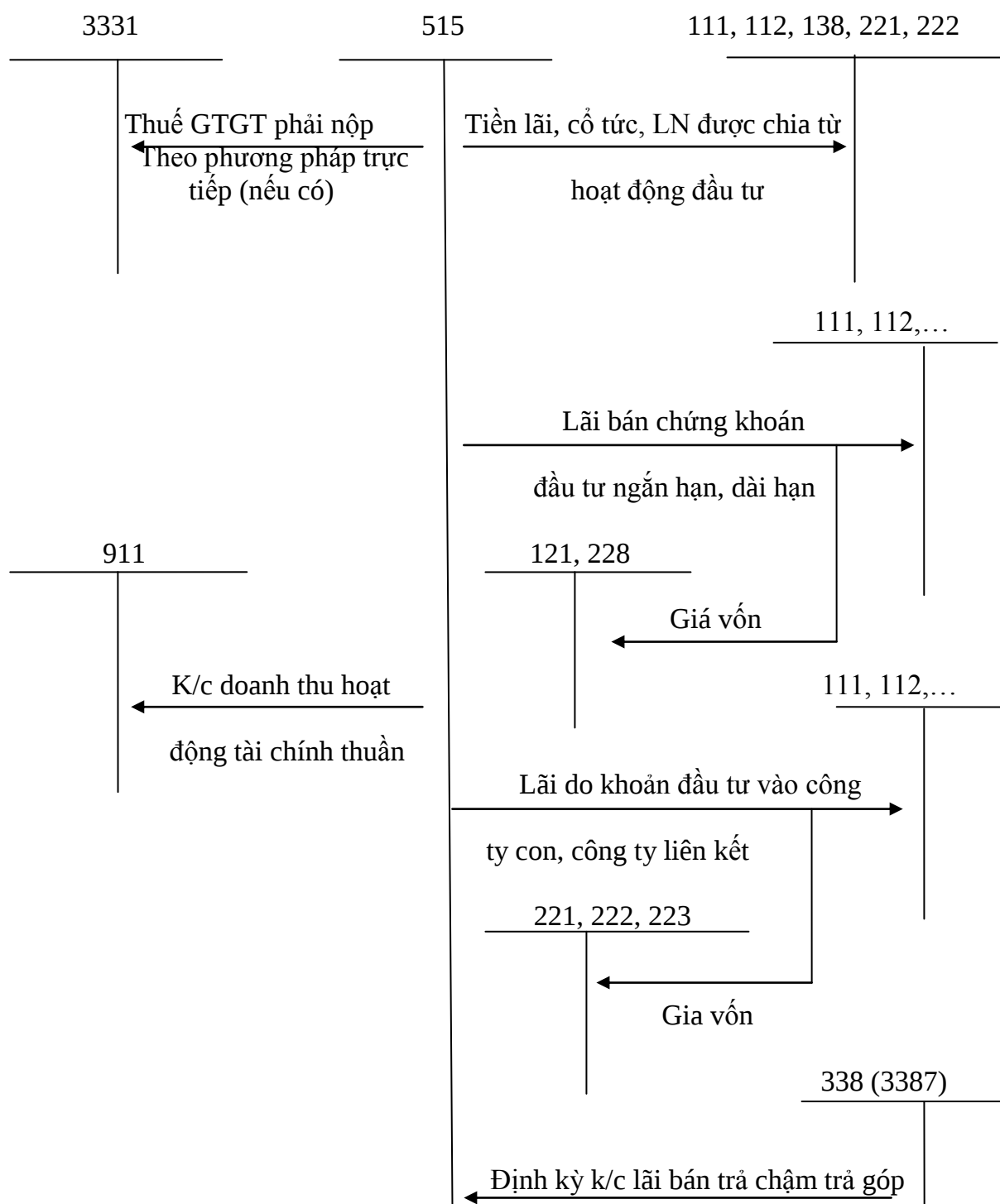
❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính” để hạch toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 515:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính; - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 515 không có số dư cuối kỳ		

❖ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.10: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.4.2.3. Kế toán thu nhập khác**❖ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như : Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

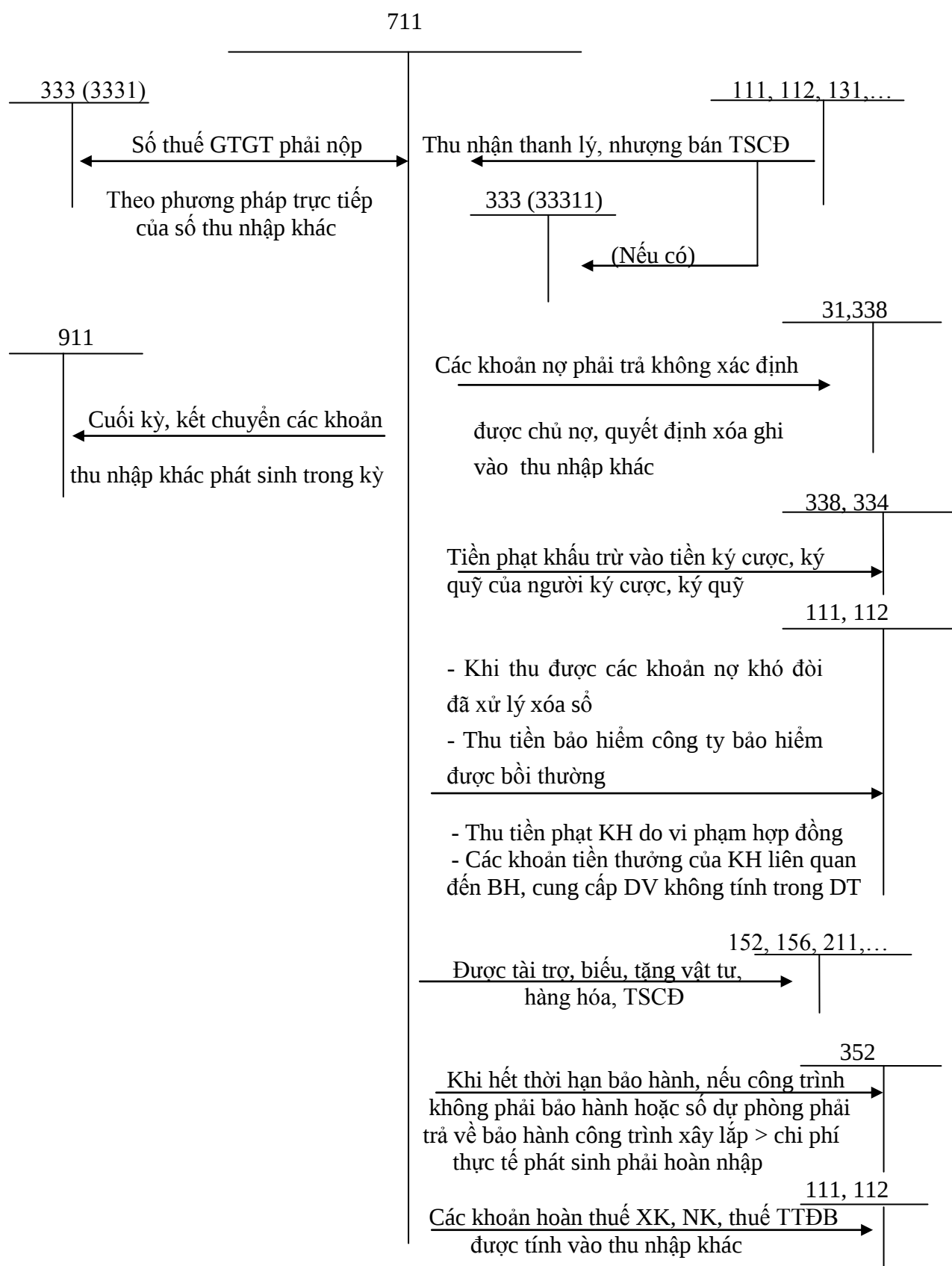
❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 711 – “Thu nhập khác” để hạch toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 711:

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 711 không có số dư cuối kỳ		

❖ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.11: Kế toán thu nhập khác

1.4.2.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**❖ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

❖ Tài khoản sử dụng**▪ TK 521 “Chiết khấu thương mại”**

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 521

Nợ	TK 521	Có
Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng	Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

▪ TK 531 “Hàng bán bị trả lại”

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 531

Nợ	TK 531	Có
Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.	Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

▪ TK 532 “Giảm giá hàng bán”

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 532

Nợ	TK 532	Có
Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 532 không có số dư cuối kỳ

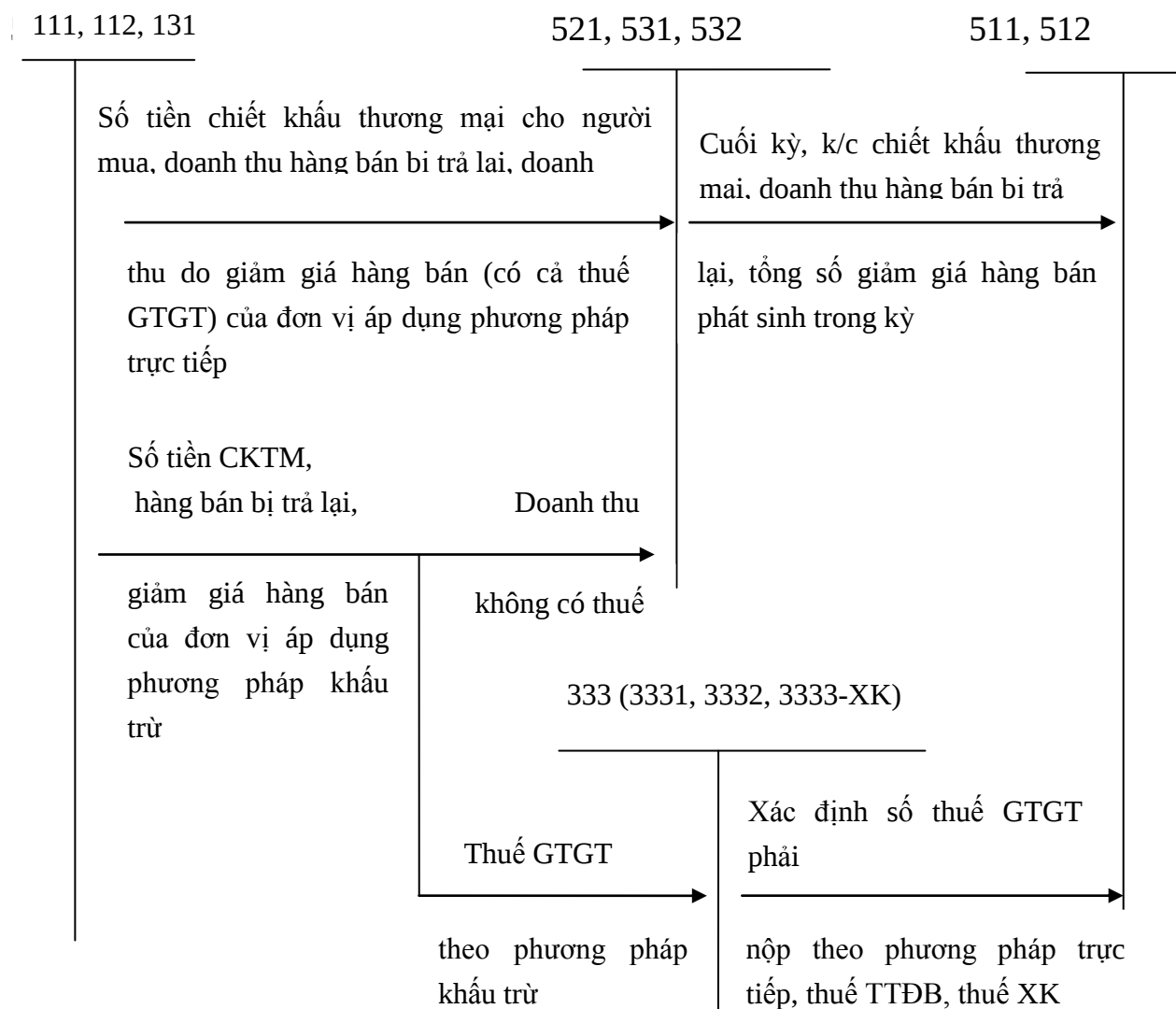
▪ Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332), thuế xuất khẩu (TK 3333)

➤ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 3331, 3332, 3333

Nợ	TK 3331, 3332, 3333	Có
- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ; - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước; - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp; - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.		- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp; - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
Tổng số phát sinh Nợ		Tổng số phát sinh Có
Trong trường hợp cá biệt phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn, giảm hoặc cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.		Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

❖ Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Sơ đồ 1.12: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.4.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh**❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

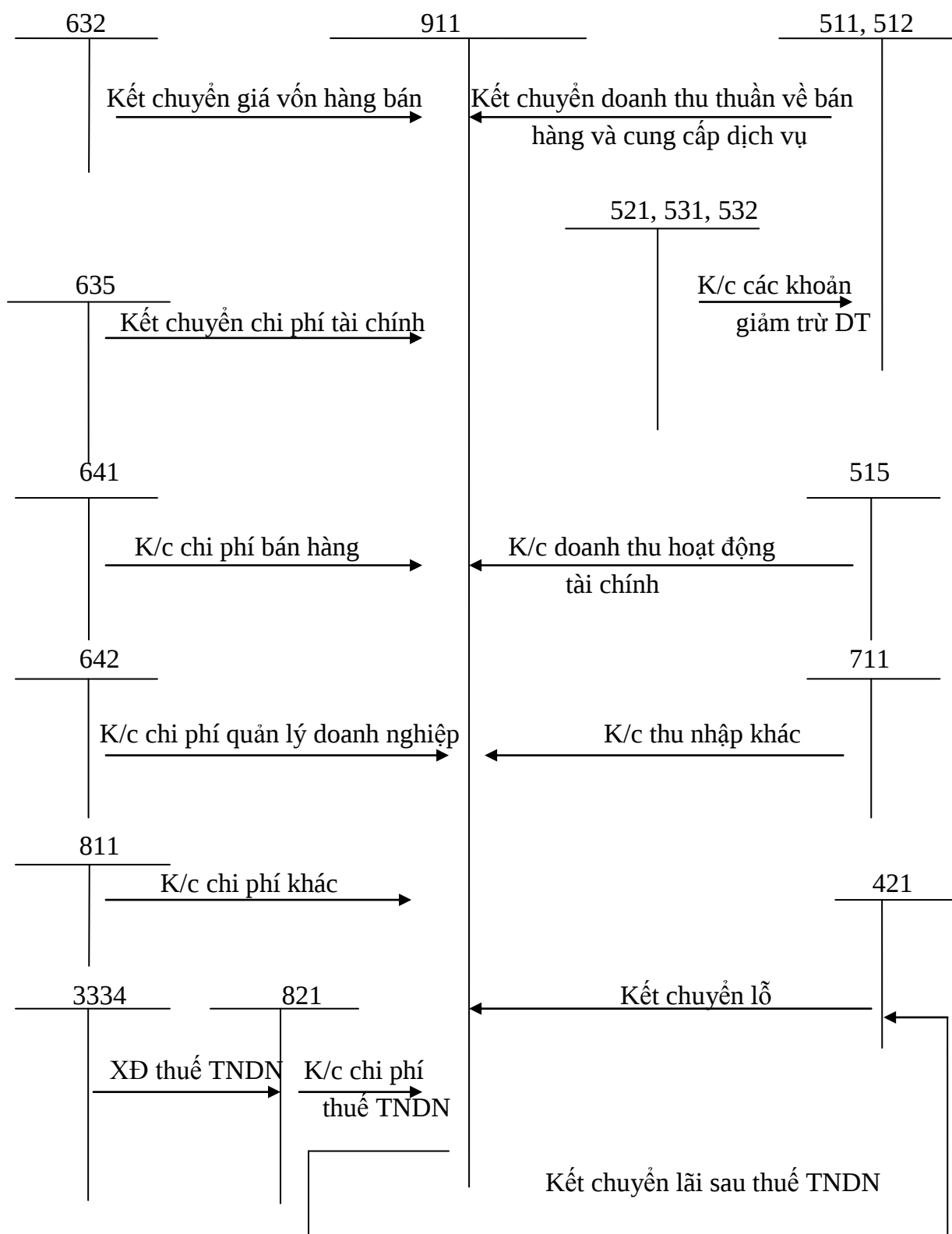
❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh” để hạch toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911:

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 911 không có số dư cuối kỳ		

❖ Phương pháp kế toán

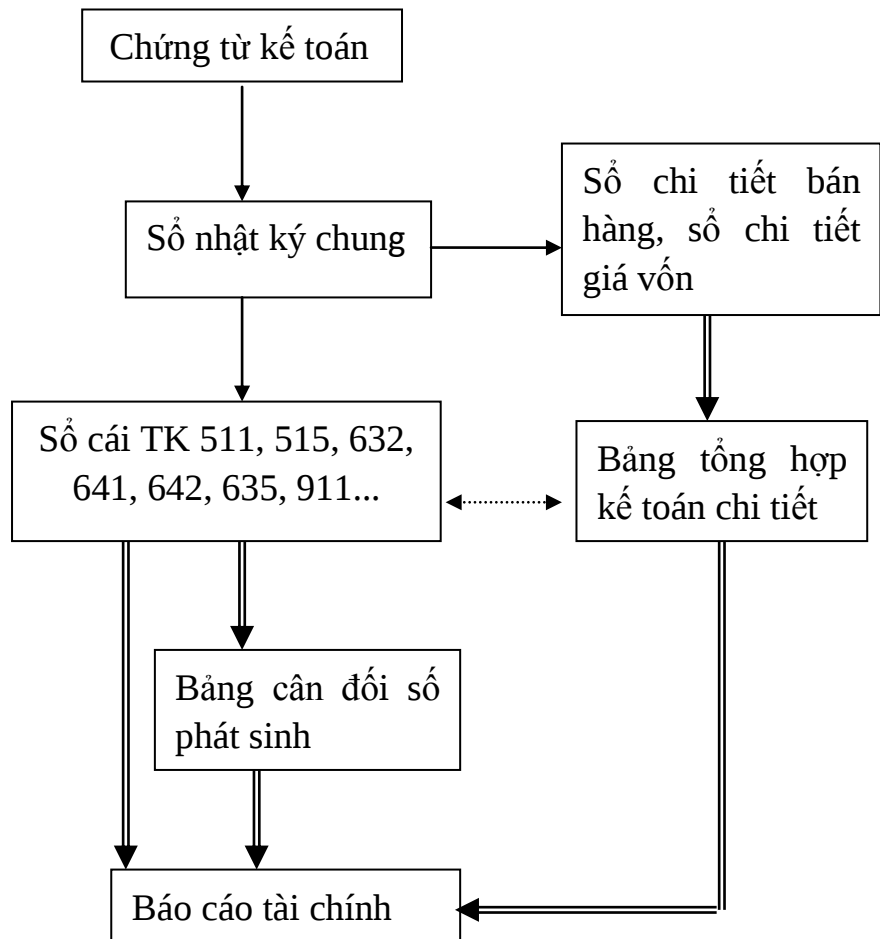
Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.4. Tổ chức sổ sách kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành các doanh nghiệp có thể sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần thép Việt Nhật.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần thép Việt Nhật.

Các thông tin cơ bản về công ty:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật
- Tên tiếng anh: VIET NHAT STEEL JOINT STOCK COMPANY
- Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc: Nguyễn Văn Bình
- Mã số thuế: 0200289981
- Trụ sở: Km 9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (84-31)3749998 Fax: (84-31)3748452
- Địa chỉ Email: HPS@hn.vnn.vn website: Thepvietnhat.vnn.vn

Công ty cổ phần thép Việt Nhật được thành lập theo giấy phép thành lập số 00668/GP-03 ngày 27 tháng 11 năm 1998 của UBND thành phố Hải Phòng.

Giấy chứng nhận kinh doanh số 055556 ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Sở kế hoạch và đầu tư với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng, số vốn đầu tư là 140 tỷ đồng.

Công ty có chức năng nhiệm vụ như sau:

- Kinh doanh và sản xuất các loại thép.
- Xây dựng kinh doanh và phát triển nhà ở.
- Sản xuất kinh doanh hợp kim Ferro.

Công ty có công suất thiết kế 240.000 tấn sản phẩm/năm với các sản phẩm thép tròn đốt ,thép tròn cuộn và thép tròn trơn. Sản phẩm của thép Việt Nhật chủ yếu phục vụ xây dựng, đường kính từ $\Phi 8$ đến $\Phi 40$, đã được đăng ký bản quyền tại Cục phát minh sáng chế của Bộ công nghệ môi trường theo tiêu chuẩn của Việt Nam và Nhật Bản.

Chính thức đi vào hoạt động và cung cấp sản phẩm ra thị trường từ tháng 5/2001, thép Việt Nhật nhanh chóng trở thành một thương hiệu nổi tiếng trên địa bàn Hải Phòng và cả nước. Đây là sản phẩm chính của Công ty cổ phần thép Việt Nhật, một doanh nghiệp mới có hơn 10 năm hoạt động nhưng lại có bề dày thành tích đáng nể.

Thương hiệu thép Việt Nhật ngay từ khi mới ra đời đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường và tạo dấu ấn trên nhiều công trình. Điều này được minh chứng và khẳng định qua việc thép Việt Nhật luôn được các nhà thầu lớn của quốc gia và quốc tế chọn để xây dựng nhiều công trình trọng điểm của đất nước.

Công trình cầu Thanh Trì được hoàn thành và đưa vào sử dụng là niềm tự hào lớn của thép Việt Nhật. Với uy tín, chất lượng, hiệu quả, công ty cổ phần thép Việt Nhật là đơn vị cung cấp thép chính để xây dựng cây cầu này. Cụ thể, công ty cung cấp hơn 50.000 tấn thép các loại, từ D10 đến D41.

Thép Việt Nhật cũng tạo dấu ấn trên nhiều công trình lớn khác như Trung tâm Hội nghị Quốc gia, cầu Vĩnh Tuy, Khu đô thị Nam Trung Yên, Khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính (Hà Nội), cầu Bính-Hải Phòng, Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc tế, cảng Đình Vũ, Nhà máy nhiệt điện Tam Hưng (Hải Phòng), cảng Cái Lân (Quảng Ninh), hầm đào Hải Vân, Sân vận động Chi Lăng (Đà Nẵng), Bệnh viện Trung ương Huế, Khách sạn Hoàng Đế, Khách sạn Hùng Vương (Huế) cùng các công trình khác như Nhà máy nhiệt điện Na Dương, Nhà máy thủy điện Sơn La...

Để đạt được những thành quả như vậy, ngày từ khi mới đi vào hoạt động, thép Việt Nhật luôn tuân thủ và chấp hành nghiêm ngặt các quy định, tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm. Thương hiệu thép Việt Nhật được đăng ký bản quyền tại Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam và đạt tiêu chuẩn JIS (Nhật Bản), TCVN (Việt Nam), ASTM (Hoa Kỳ) và BS (Vương Quốc Anh)...

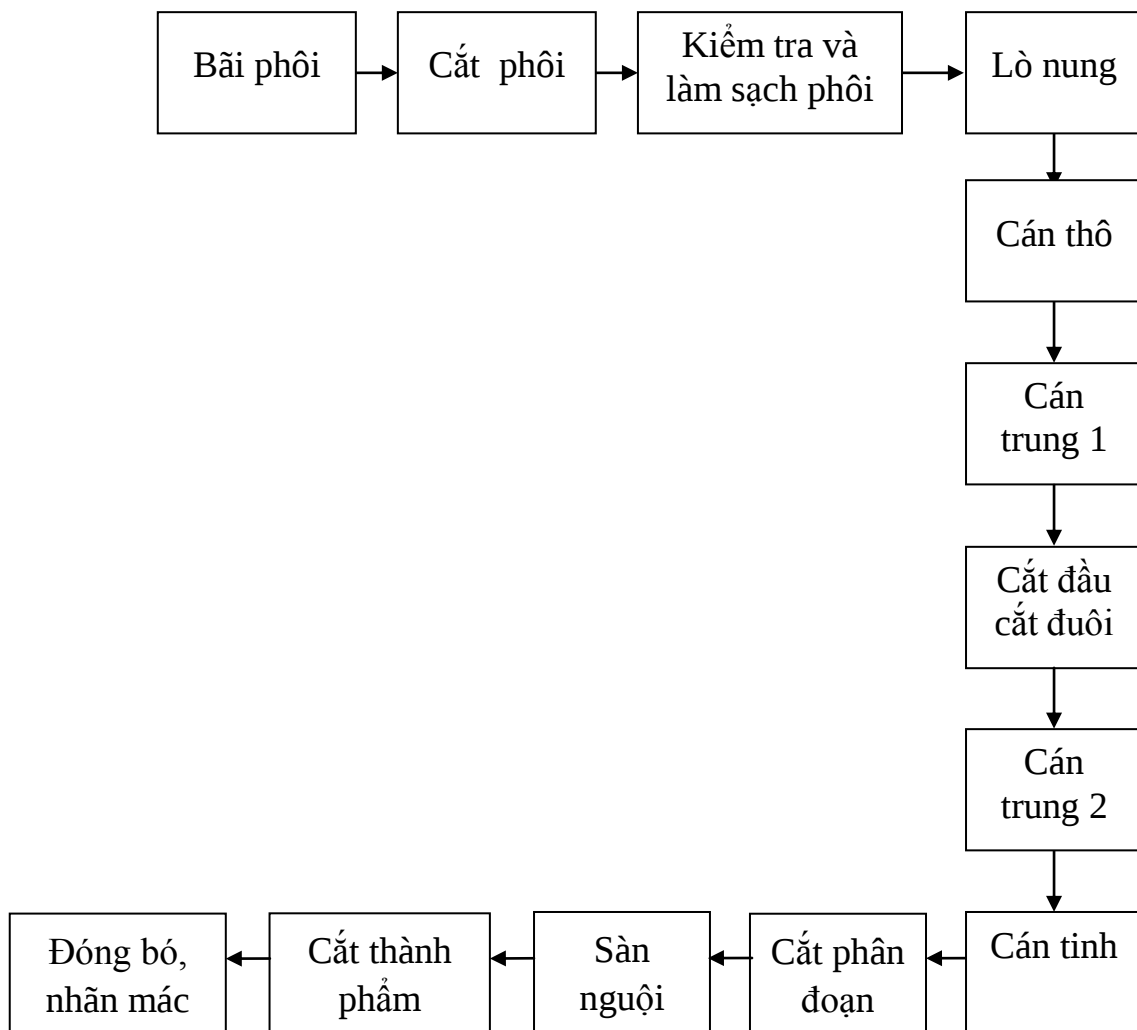
Hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001:2000 và hệ thống quản lý quốc tế về môi trường ISO 14001:1996 được công ty áp dụng ngay trong quá trình triển khai xây dựng nhà máy. Công ty có phòng thử nghiệm cơ lý được

công nhận hợp chuẩn hệ quốc gia và quốc tế mã hiệu Vilas 156...Chính vì vậy, bước chân vào nhà máy, ai cũng có cảm giác thư thái, dễ chịu nhờ hệ thống cây xanh, cây cảnh và cách bố trí hợp lý của dây chuyền sản xuất, hệ thống lọc bụi, giảm tiếng ồn. Thép Việt Nhật đạt tiêu chuẩn của một nhà máy sản xuất công nghiệp hiện đại.

Nhờ không ngừng đổi mới về mọi mặt, nhờ tạo dựng được uy tín về thương hiệu, thép Việt Nhật có bước phát triển khá nhanh. Vốn điều lệ khi mới thành lập là 30 tỷ đồng, nay được nâng lên 140 tỷ đồng; doanh thu hàng năm đạt hơn 1000 tỷ đồng; nộp ngân sách trên 50 tỷ đồng, giải quyết việc làm và thu nhập cho hơn 200 lao động. Công ty nhiều năm liền tham gia các hội chợ triển lãm trong nước, quốc tế và đều đạt được giải thưởng. Đây cũng là một trong các doanh nghiệp tiêu biểu của thành phố Hải Phòng.

Với những bước đi bài bản, phù hợp với nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, công ty cổ phần thép Việt Nhật với thương hiệu thép Việt Nhật ngày càng phát triển một cách bền vững, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của thành phố và đất nước.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần thép Việt Nhật.



SƠ ĐỒ 2.1: QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THÉP THANH CỦA NHÀ MÁY CÁN THÉP VIỆT NHẬT

*** Hệ thống công nghệ sản xuất thép của nhà máy cán thép gồm :**

a. Chuẩn bị phôi :

- Phôi được cắt theo đoạn tùy theo yêu cầu công nghệ cán các sản phẩm.
- Công nhân tổ phôi có trách nhiệm chuẩn bị phôi cho quá trình sản xuất.

b. Nung thép :

- Công nhân lò nung nhận phôi do tổ cắt phôi cung cấp , tiến hành nạp liệu, vận hành lò cung cấp cho cán kịp thời , đầy đủ phôi cán, nhiệt độ từ 1150 ÷ 1200°C.

c. Tại máy cán thô $\phi 480$:

- Tại máy cán thô phôi có kích thước 120×120 thực hiện 7 lần cán .
- Hệ lể 1,3,5,7 ăn qua trục trên.
- Vật cán sau khi đi qua K7 phải đạt được kích thước theo thiết kế tiết diện cân đối, không bị Bavia, vắn xoắn, cong vênh, phải đạt nhiệt độ $\geq 1100^{\circ}\text{C}$.
- Công nhân lái máy trên đài số 3 phải thao tác nhịp nhàng đảm bảo quá trình cán ổn định, an toàn.
- Thực hiện đúng hướng dẫn vận hành.
- Việc thay trục cán, cán thử sản phẩm cũng như trong quá trình cán bình thường người công nhân công nghệ phải thực hiện đầy đủ các hướng dẫn có liên quan.

d. Máy cán trung (M2)

- Tại máy cán trung M2, $\phi 430 \times 2$ tiến hành 2 lần cán thẳng . Vật cán đi qua K10,K11, kích thước sản phẩm phải điều chỉnh đúng theo thiết kế vật cán , không được cong vênh, vắn xoắn, Ba via.

e. Máy cắt bay (máy cắt đầu)

Máy cắt đầu làm việc ở chế độ tự động có nhiệm vụ cắt bỏ các khuyết tật ở đầu thanh thép khi cán qua K11.

f. Máy cắt đuôi :

Cắt đuôi sản phẩm nhằm loại bỏ hết các khuyết tật ở đuôi sản phẩm.

g. Máy cán bán tinh M4,M5,M6-Máy cán tinh M7,M8,M9,M10.

- Trên đường cán liên tục từ cụm máy cán M4 ÷ M10.
- Công nhân thao tác tại các máy phải luôn quan tâm đến kích thước vật cán tại các giá máy cán , bảo đảm theo yêu cầu thiết kế để quá trình cán được ổn định và sản phẩm có kích thước , chất lượng đúng theo yêu cầu.
- Công nhân điều chỉnh phải thường xuyên ($10 \div 15'$). Kiểm tra kích thước sản phẩm trao đổi nhân viên KCS trực tiếp theo dõi sản phẩm để kịp thời điều chỉnh , khắc phục các khuyết tật của sản phẩm.
- Khi gặp sự cố thép bật khỏi đường cán (không ăn vào lỗ hình) phải nhanh chóng khắc phục để cán hết các thoi thép đang nằm trên giá cán thô . Sau đó cần thiết mới dừng cán để sửa chữa cho chắc chắn .

- Công nhân điều chỉnh thường xuyên liên hệ với công nhân điều khiển trên đài điều khiển để xác định các thông số tốc độ (đặc biệt là các trường hợp sự cố để tìm nguyên nhân đưa biện pháp khắc phục cho phù hợp), Các trường hợp xảy ra sự cố phải chủ động phòng tránh xử lý đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị , thu dọn gọn, sạch sẽ các sản phẩm về nơi tập kết.

h. Máy cắt đĩa (Máy cắt chia)

- Máy cắt đĩa ở vị trí cắt phân đoạn sản phẩm từ D10 – D32.

- Máy cắt đĩa làm việc ở chế độ tự động , nó được cài đặt chiều dài của đoạn cắt là bội số chiều dài thành phẩm đóng bó và số lần cắt đủ để cắt hết chiều dài sản phẩm cán.

- Không cắt những thanh thép bị kẹt đã dừng lại và những thanh thép nguội nhiệt độ dưới 800°C.

- Tốc độ cắt phải nhanh hơn tốc độ cán $5 \div 10\%$

i. Máy đẩy tiếp

- Máy đẩy tiếp đẩy sản phẩm lên các máng kín trên tường đứng sàn nguội khi máy cắt đĩa đã chia đoạn. Công nhân vận hành phối hợp cùng công nhân sửa chữa cơ điện, công nhân sàn nguội trong lúc giải quyết sự cố thiết bị cũng như sự cố công nghệ.

j. Sàn nguội

Thép qua máy đẩy tiếp , lên các máng ở tường đứng sàn nguội ,hệ thống phanh, hệ thống đóng mở máng làm việc ở chế độ tự động, rơi thép xuống sàn làm nguội cố định ,lần lượt,hệ thống thanh răng động mang thép đi với bước chuyển 50mm qua hết chiều ngang của sàn.

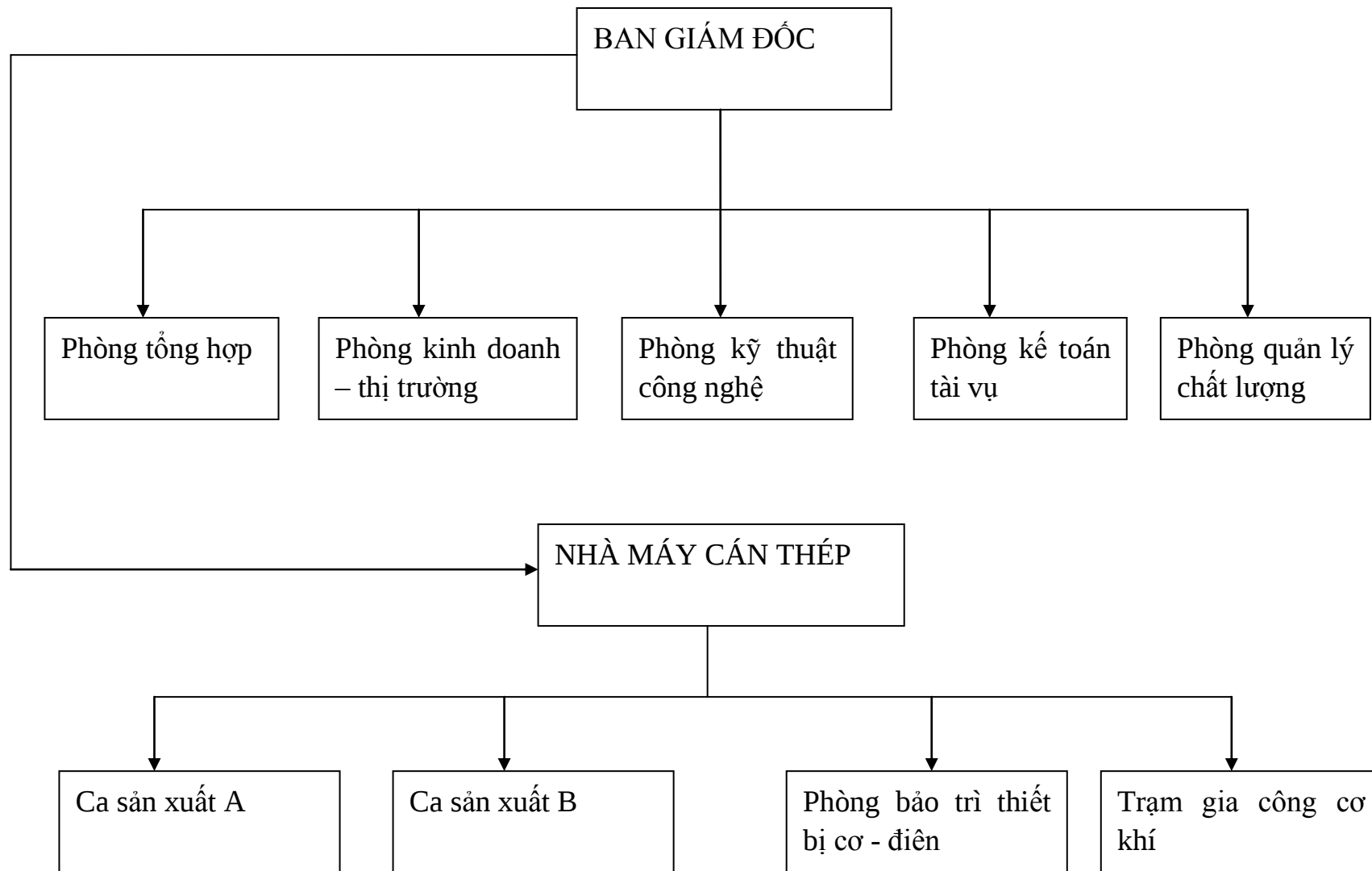
k. Máy cắt nguội 600T

Máy cắt nguội 600T dùng để cắt sản phẩm theo các chiều dài đã được khách hàng đặt trước.

l. Đóng bó, cân nhập kho

Sau cắt nguội, thép thành phẩm được con lăn sàn nguội chuyển đến vị trí, thiết bị chuyển tới hố gom, để đóng bó, công việc bó buộc xong sản phẩm chuyển sang cân xác định trọng lượng.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần thép Việt Nhật.



SƠ ĐỒ 2.2: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh, phòng ban**** Ban Giám đốc:***

Ban Giám đốc của Công ty do Hội đồng quản trị bầu và bãi nhiệm. Ban Giám đốc công ty là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- + Quyết định về tất cả các vấn đề có liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.
- + Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
- + Tổ chức thực hiện những kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
- + Kiến nghị phương án bố trí tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.
- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh tổ chức trong công ty, trừ các chức danh trong HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
- + Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả những cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- + Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, quyết định của HĐQT.

**** Giám đốc :***

Giám đốc kinh doanh, giám đốc sản xuất, giám đốc chất lượng, giám đốc hành chính, giám đốc tài chính. Đây là bộ phận có nhiệm vụ giúp việc cho Ban Giám đốc trong các công việc hàng ngày của công ty. Mỗi giám đốc chịu trách nhiệm trong một lĩnh vực.

**** Phân xưởng sản xuất :***

Bao gồm nhiều tổ sản xuất có nhiệm vụ tiến hành sản xuất sản phẩm theo kế hoạch đã được vạch ra. Mỗi tổ sản xuất có một tổ trưởng chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra công việc của các công nhân trong tổ của mình.

** Phòng tổng hợp :*

Chịu sự điều hành trực tiếp của Giám đốc Hành chính tổng hợp về công tác tổ chức nhân sự của công ty.

Phòng hành chính tổng hợp sẽ có nhiệm vụ lưu giữ và theo dõi nhân sự của Công ty, đồng thời cũng bao quát mọi hoạt động chung của Công ty.

** Phòng Kinh doanh Thị trường :*

Chịu sự điều hành trực tiếp của Giám đốc kinh doanh về công tác tổ chức bán hàng hoá, sản phẩm dịch vụ .

Phòng này có trách nhiệm thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hoá, làm công tác tiếp thị kinh doanh và tổ chức bán hàng dự trữ . Tìm cách để tiêu thụ được hàng hoá và quảng bá về các sản phẩm của công ty. Chủ động nghiên cứu thị trường , thị hiếu người tiêu dùng và tính năng sử dụng của các sản phẩm theo nhu cầu của người dân.

** Phòng kỹ thuật công nghệ:*

- Tổ chức quản lý việc thực hiện quá trình công nghệ.
- Tổ chức theo dõi việc quản lý bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị lên kế hoạch dự toán các hạng mục đại tu, trung tu dây chuyền thiết bị.
- Thiết kế công nghệ, thiết bị mới phục vụ sản xuất.
- Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng sản phẩm và các hạng mục cần thiết về vật tư, thiết bị, dây chuyền sản xuất.

** Phòng kế toán tài vụ:*

- Trợ giúp lãnh đạo công ty trong việc quản lý, sử dụng vốn và nguồn vốn.
- Tổ chức công tác thu thập, xử lý các thông tin có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.
- Lên kế hoạch tài chính cho từng tuần, tháng, quý, năm.
- Báo cáo các thông tin tài chính kế toán.

** Phòng quản lý chất lượng:*

- Lập và quản lý hệ thống chất lượng tại công ty.

- Theo dõi, áp dụng quy trình quản lý chất lượng, tổng hợp, đề ra các phương án cải tiến chất lượng sản phẩm.

- Kiểm soát, quản lý chất lượng toàn bộ vật tư đầu vào, kiểm soát quá trình cán thép và sản phẩm thép cán ra.

- Báo cáo các thông tin về chất lượng sản phẩm.

- Đăng ký định kỳ chất lượng sản phẩm.

* *Nhà máy cán thép:*

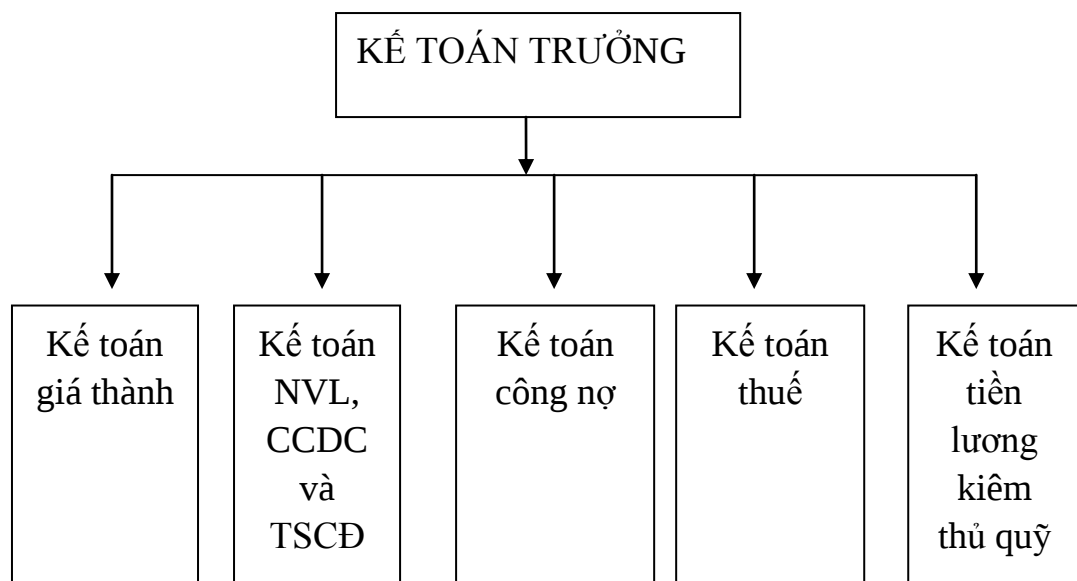
- Tổ chức thực hiện kế hoạch do ban Giám đốc đề ra.

- Quản lý hệ thống dây chuyền sản xuất.

- Quản lý công nhân trong nhà máy.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.



SƠ ĐỒ 2.3: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN

- *Nhiệm vụ từng bộ phận trong bộ máy kế toán :*

+ *Kế toán trưởng:*

Là người thực hiện việc tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, thống kê của đơn vị đồng thời còn thực hiện chức năng kiểm soát các hoạt động kinh tế tài chính của đơn vị. Ngoài ra kế toán trưởng còn đảm nhiệm việc tổ chức và

chỉ đạo công tác tài chính. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước thủ trưởng đơn vị về công tác thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được giao.

Trách nhiệm cụ thể của kế toán trưởng là tổ chức bộ máy kế toán thống kê, phản ánh đầy đủ, kịp thời mọi hoạt động của đơn vị, lập đầy đủ, đúng hạn báo cáo thống kê, thực hiện việc trích nộp thanh toán theo đúng chế độ, đúng quy định về kiểm kê, kiểm tra, kiểm soát, chấp hành luật pháp, đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn...đồng thời không ngừng củng cố và hoàn thiện chế độ hạch toán kinh tế trong đơn vị.

Kế toán trưởng có quyền phân công, chỉ đạo trực tiếp tất cả nhân viên kế toán, thống kê làm việc tại đơn vị. Có quyền yêu cầu các cán bộ khác trong đơn vị cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết cho công tác kế toán và kiểm tra các loại báo cáo kế toán cũng như các hợp đồng phải có chữ ký của kế toán trưởng. Kế toán trưởng được quyền từ chối không thực hiện những mệnh lệnh vi phạm pháp luật đồng thời báo cáo kịp thời những hành vi vi phạm đó cho cấp trên có thẩm quyền.

+ Kế toán giá thành:

Là người tổng hợp toàn bộ chi phí và tính giá thành của sản phẩm, đồng thời thống kê hàng hóa tại kho bằng cách tập hợp số liệu nhập xuất hàng ngày để báo cáo trước phó giám đốc tài chính.

+ Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và tài sản cố định:

Là người phản ánh tình hình nhập xuất kho nguyên vật liệu, lập bảng trích khấu hao của từng bộ phận để phân bổ chi phí chính xác, giúp cho kế toán giá thành tập hợp chi phí dễ dàng kịp thời.

+ Kế toán công nợ:

Chịu trách nhiệm theo dõi các khoản công nợ với khách hàng, lập và quản lý những chứng từ như: phiếu thu, phiếu chi, các chứng từ liên quan đến công nợ với khách hàng...đồng thời hàng ngày phải phản ánh số liệu vào các sổ sách có liên quan như sổ chi tiết thanh toán với người bán, sổ cái tài khoản 131,...Kế toán công nợ cần phải đặc biệt theo dõi các khoản nợ đến hạn, nợ

quá hạn của khách hàng để có trách nhiệm kết hợp với phòng kinh doanh, thông báo cho phòng kinh doanh số nợ và lập bảng đối chiếu công nợ, các bảng kê tính lãi có xác nhận của phòng kế toán để tiến hành công tác đòi nợ cho công ty.

+ *Kế toán thuế:*

Là người theo dõi thuế GTGT đầu vào, đầu ra, thuế nhập khẩu nguyên vật liệu, thuế TNDN, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác. Kế toán thuế sau mỗi tháng sẽ lập tờ khai thuế giá trị gia tăng để gửi lên cục thuế. Kế toán thuế chịu trách nhiệm về việc lưu giữ các hoá đơn thuế giá trị gia tăng để lập các bảng kê chi tiết về thuế.

+ *Kế toán tiền lương kiêm thủ quỹ:*

Kế toán tiền lương chịu trách nhiệm tổ chức kế toán tiền lương và tập hợp chi phí kinh doanh trong kỳ. Lập và bảo quản những chứng từ như: bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán BHXH, giấy báo nghỉ ốm, giấy báo làm thêm giờ... và vào sổ liệu cho một sổ sổ trên.

Tại công ty kế toán tiền lương kiêm luôn thủ quỹ nên có nhiệm vụ bảo quản và theo dõi quỹ tiền mặt của công ty. Hàng ngày vào sổ liệu cho sổ quỹ và có nhiệm vụ chi tiền theo lệnh của giám đốc và kế toán trưởng, thu tiền từ những kế toán viên hoặc nhân viên bộ phận bán hàng...

2.1.4.2. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.

Bộ máy kế toán tại công ty cổ phần thép Việt Nhật được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng kế toán kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán công ty áp dụng từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 30/12 năm đó.

- Đơn vị tiền tệ mà Công ty sử dụng trong ghi chép, báo cáo quyết toán là đồng nội tệ: Việt Nam đồng (VNĐ).

- Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” với các biểu mẫu đơn giản được thực hiện trên máy vi tính với thao tác hạch toán trên bảng tính Excel và Word.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.

a. Hệ thống chứng từ:

Hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống chứng từ kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hệ thống chứng từ kế toán của công ty bao gồm các mẫu bắt buộc và mẫu hướng dẫn bao gồm:

+ Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Phiếu chi, Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, Biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản kiểm kê TSCĐ, Biên bản đánh giá TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

b. Hệ thống tài khoản;

Công ty đang sử dụng hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty

- Hệ thống sổ kế toán:

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự nhất định. Hiện nay Doanh nghiệp đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”

- Hệ thống báo cáo:

Công ty đang áp dụng hệ thống các báo tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

Nơi nộp báo cáo: Cơ quan thuế.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí tại công ty.

2.2.1.1. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

Doanh nghiệp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Căn cứ vào số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất ra trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định giá trị thực tế xuất kho trong kỳ.

$$\text{Trị giá thực tế của hàng xuất trong kỳ} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất trong kỳ}}{\text{Đơn giá thực tế bình quân}}$$

❖ Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu kế toán
- + Các chứng từ có liên quan khác

➤ Sổ sách sử dụng:

- + Sổ nhật ký chung

- + Sổ cái TK 632
- + Sổ chi tiết TK 632
- + Các sổ sách có liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh giá vốn hàng bán một cách chi tiết và cụ thể, Công ty đã sử dụng:

- TK 632 – Giá vốn hàng bán. Trong đó chi tiết:

- + TK 6321: Giá vốn phôi thép
- + TK 6322: Giá vốn thành phẩm thép

Do công ty gồm nhiều loại thành phẩm thép khác nhau nên TK 6322 được mở chi tiết:

TK 63221 – Giá vốn thép thanh vằn

TK 63222 – Giá vốn thép ống tròn

TK 63223 – Giá vốn thép tròn cuộn

TK 63224 – Giá vốn thép lá cán nguội

...

Trong đó, thép thanh vằn kế toán lại mở TK chi tiết để theo dõi tiếp:

TK 632211: Giá vốn thép thanh vằn D10

TK 632212: Giá vốn thép thanh vằn D12

TK 632213: Giá vốn thép thanh vằn D16

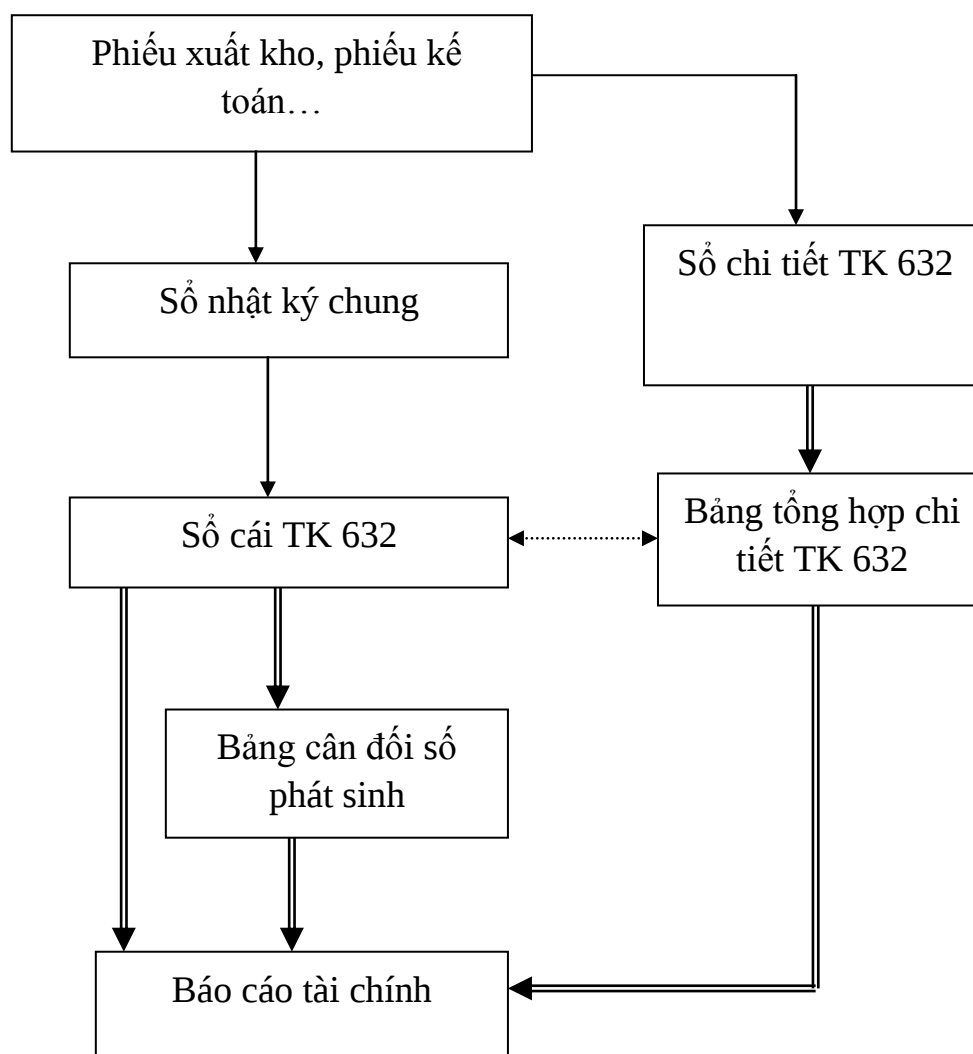
TK 632214: Giá vốn thép thanh vằn D18

TK 632215: Giá vốn thép thanh vằn D19

...

- Các tài khoản khác có liên quan.

❖ Quy trình kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

SƠ ĐỒ 2.4: QUY TRÌNH KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tại công ty, khi có nghiệp vụ bán hàng phát sinh kế toán thành phẩm lập phiếu xuất kho thành phẩm, trên phiếu chỉ ghi số lượng hàng xuất kho không ghi trị giá vốn. Đến cuối tháng, khi có số liệu do kế toán giá thành cung cấp thì mới tính được trị giá thành phẩm xuất kho, kế toán lập phiếu kế toán để ghi nhận giá

vốn hàng bán. Từ các chứng từ có liên quan kế toán vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành vào sổ cái và các sổ có liên quan.

★ **Khảo sát số liệu Quý IV/ 2012**

✦ Theo phiếu xuất kho số 12/12 (Biểu số 2.1): Ngày 17/12/2012, xuất kho 22.300 kg thép thanh vằn D12 bán cho công ty Sơn Trường với giá bán chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 16.000 đồng/kg, khách hàng chậm thanh toán.

✦ Theo phiếu xuất kho số 24/12 (Biểu số 2.2): Ngày 22/12/2012, xuất kho 15.220 kg thép thanh vằn D18 bán cho công ty cổ phần xây dựng thương mại Hùng Phát với giá bán chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 16.050 đồng/kg, khách hàng chậm thanh toán.

Xác định giá vốn bán thép:

- Với thép thanh vằn D12

- Tồn ngày 01/12/2012: Số lượng : 109.277,34 kg
Trị giá hàng tồn kho : 1.640.236.092 đồng

- Trong tháng 12 nhập: Số lượng : 162.784 kg
Trị giá hàng nhập kho : 2.484.631.129 đồng

Đơn giá bình quân của thành phẩm xuất kho trong kỳ	=	Trị giá thực tế thành phẩm tồn đầu kỳ Số lượng thành phẩm tồn đầu kỳ	+	Trị giá thực tế thành phẩm nhập trong kỳ Số lượng thành phẩm nhập trong kỳ
		1.640.236.092	+	2.484.631.129
	=	109.277,34	+	162.784
	=	15.161,53 (đ/kg)		

- Ngày 17/12 xuất bán 22.300 kg thép thanh vằn D12 cho công ty Sơn Trường

Suy ra:

Trị giá thành phẩm thực tế xuất kho	=	Số lượng thực tế xuất kho	x	Đơn giá bình quân xuất kho
	=	22.300	x	15.161,53
	=	338.102.119 đồng		

• **Với thép thanh vằn D18**

- Tồn ngày 01/12/2012: Số lượng : 50.989,008kg

Trị giá hàng tồn kho : 764.788.446 đồng

- Trong tháng 12 nhập: Số lượng : 205.840 kg

Trị giá hàng nhập kho : 3.139.011.853 đồng

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{của thành phẩm xuất} \\ \text{kho trong kỳ} &= \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế thành} \\ \text{phẩm tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế thành} \\ \text{phẩm nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng thành} \\ \text{phẩm tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng thành phẩm} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}} \\ &= \frac{764.788.446}{50.989,008} + \frac{3.139.011.853}{205.840} \\ &= 15.200 (\text{đ/kg}) \end{aligned}$$

- Ngày 22/12 xuất bán 15.220 kg thép thanh vằn D18 cho Hùng Phát.

Suy ra:

$$\begin{aligned} \text{Trị giá thành phẩm thực tế} &= \text{Số lượng thực tế} \times \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{xuất kho} &= \text{xuất kho} \\ &= 15.220 \times 15.200 \\ &= 231.344.000 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Cuối tháng, sau khi tính được trị giá thành phẩm thép thanh vằn xuất bán, kế toán lập phiếu kế toán 25 (Biểu số 2.3) để phản ánh giá vốn thép thanh vằn xuất bán.

Căn cứ vào phiếu kế toán số 25 và các chứng từ có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.4) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 632 đối với thép thanh vằn D12 (Biểu số 2.5) và sổ chi tiết TK 632 đối với thép thanh vằn D18 (Biểu số 2.6). Từ sổ chi tiết TK 632 lập bảng tổng hợp giá vốn hàng bán theo từng mặt hàng (Biểu số 2.7), bảng tổng hợp giá vốn hàng bán (Biểu số 2.8). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (Biểu số 2.9).

Cuối kỳ, từ sổ cái các TK được sử dụng lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1: Phiếu xuất kho**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****Mẫu số 02 – VT****(Ban hành theo quyết định số****15/2006 QĐ-BTC ngày****20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ****tài chính)****PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 17 tháng 12 năm 2012

Số: 12/12

Họ tên người nhận hàng: Công ty Sơn Trường

Địa chỉ (bộ phận): 159 Đường Bạch Đằng – Hồng Bàng – Hải Phòng

Lý do xuất kho: Bán hàng cho công ty Sơn Trường

Xuất tại kho: Thép Việt Nhật

Địa điểm: Kho thành phẩm

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép thanh vằn D12	D12	Kg	22.300	22.300		
	Cộng			22.300	22.300		

Bằng chữ: Hai mươi hai nghìn ba trăm kilogram.

Ngày 17 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.2: Phiếu xuất kho**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Mẫu số 02 – VT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****(Ban hành theo quyết định số****15/2006 QĐ-BTC ngày****20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ****tài chính)****PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 22 tháng 12 năm 2012

Số: 24/12

Họ tên người nhận hàng: Công ty Cổ phần XD TM Hùng Phát

Địa chỉ (bộ phận): 9/49 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Lý do xuất kho: Bán hàng cho công ty Cổ phần XD TM Hùng Phát

Xuất tại kho: Thép Việt Nhật

Địa điểm: Kho thành phẩm

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép thanh vằn D18	D18	Kg	15.220	15.220		
	Cộng			15.220	15.220		

Bằng chữ: Mười lăm nghìn hai trăm hai mươi kilogram.

Ngày 22 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.3: Phiếu kế toán**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 25**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Giá vốn hàng bán thép thanh vằn D14 cho Công nghệ Việt P XK 01/12	6322	155	3.192.000
2	Giá vốn hàng bán thép thanh vằn D22 cho Khánh Ngọc P XK 02/12	6322	155	229.422.907
....				
15	Giá vốn hàng bán thép thanh vằn D12 cho Sơn Trường P XK 12/12	6322	155	338.102.119
....				
24	Giá vốn hàng bán thép thanh vằn D18 cho Hùng Phát P XK 24/12	6322	155	231.344.000
....				
	Cộng tháng 12/2012			4.643.677.827

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.4: Sổ Nhật ký chung
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
(Trích số liệu Quý IV/2012)

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....							
17/12	HD002496	17/12	Bán thép thanh vằn D12 cho Sơn Trường	131		392.480.000	
			Doanh thu bán thép		5112		356.800.000
			Thuế VAT đầu ra		3331		35.680.000
....							
22/12	HD002502	22/12	Bán thép thanh vằn D18 cho Hùng Phát	131		268.709.100	
			Doanh thu bán thép		5112		244.281.000
			Thuế VAT đầu ra		3331		24.428.100
...	...						
31/12	PKT25	31/12	Giá vốn bán thép thanh vằn T12/2012	6322		4.643.677.827	
					155		4.643.677.827
....							
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển GVHB sang TK 911	911		57.559.711.783	
					632		57.559.711.783
....					...		
			Cộng phát sinh Quý IV/2012			433.892.084.712	433.892.084.712

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết TK632

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S35– DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN
TK 632 – 632212
Tên thành phẩm: Thép thanh vằn D12
(Trích số liệu Quý IV/2012)

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
....							
31/12	PXK07/12	31/12	Bán cho C.ty MTV319	155	12.125	15.161,53	183.833.551
31/12	PXK08/12	31/12	Bán cho anh Long	155	1.100	15.161,53	16.677.683
....							
31/12	PXK12/12	31/12	Bán cho Sơn Trường	155	22.300	15.161,53	338.102.119
....							
			Cộng tháng 12/2012				791.701.201

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.6: Sổ chi tiết TK632

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S35– DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN
TK 632 – 632214
Tên thành phẩm: Thép thanh vằn D18
(Trích số liệu Quý IV/2012)

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
....							
31/12	PXK03/12	31/12	Bán cho Khánh Ngọc	155	4.905	15.200	74.556.000
31/12	PXK04/12	31/12	Bán cho Ngọc Lâm	155	1.200	15.200	18.240.000
....							
31/12	PXK24/12	31/12	Bán cho Hùng Phát	155	15.220	15.200	231.344.000
....							
			Cộng tháng 12/2012				626.742.244

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.7: Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán theo mặt hàng**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO MẶT HÀNG****Tên thành phẩm: Thép thanh vằn****(Trích số liệu Quý IV/2012)**

STT	Số hiệu TK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	632211	Thép thanh vằn D10 T12	471.908.911	471.908.911	
2	632212	Thép thanh vằn D12 T12	791.701.201	791.701.201	
3	632213	Thép thanh vằn D16 T12	309.702.869	309.702.869	
4	632214	Thép thanh vằn D18 T12	626.742.244	626.742.244	
5	632215	Thép thanh vằn D19 T12	519.052.882	519.052.882	
6	632216	Thép thanh vằn D20 T12	608.288.447	608.288.447	
....					
		Tổng cộng Quý IV/2012	19.931.033.480	19.931.033.480	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật**

Biểu số 2.8: Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN****(Trích số liệu Quý IV/2012)**

STT	Số hiệu TK chi tiết	Tên thành phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	63221	Thép thanh vằn	19.931.033.480	19.931.033.480	
2	63222	Thép ống tròn	16.590.346.760	16.590.346.760	
3	63223	Thép tròn cuộn	14.204.141.960	14.204.141.960	
4	63224	Thép lá cán nguội	6.568.286.593	6.568.286.593	
....					
		Tổng cộng Quý IV/2012	57.559.711.783	57.559.711.783	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.9: Sổ cái TK632**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Mẫu số S03b – DN****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****(Ban hành theo quyết định số****15/2006 QĐ-BTC ngày****20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ****tài chính)****SỔ CÁI TÀI KHOẢN****(Trích số liệu Quý IV/2012)****Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
....					
PKT25	31/12	Giá vốn bán thép thanh vằn T12	155	4.643.677.827	
....					
PKT40	31/12	Kết chuyển GVHB sang TK 911	911		57.559.711.783
		Cộng số phát sinh Quý IV/2012		57.559.711.783	57.559.711.783

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

2.2.1.2. Kế toán chi phí bán hàng**❖ Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng****➤ Chứng từ sử dụng:**

- + Phiếu chi, Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng thông thường
- + Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- + Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Giấy báo nợ của ngân hàng
- + Các chứng từ khác có liên quan

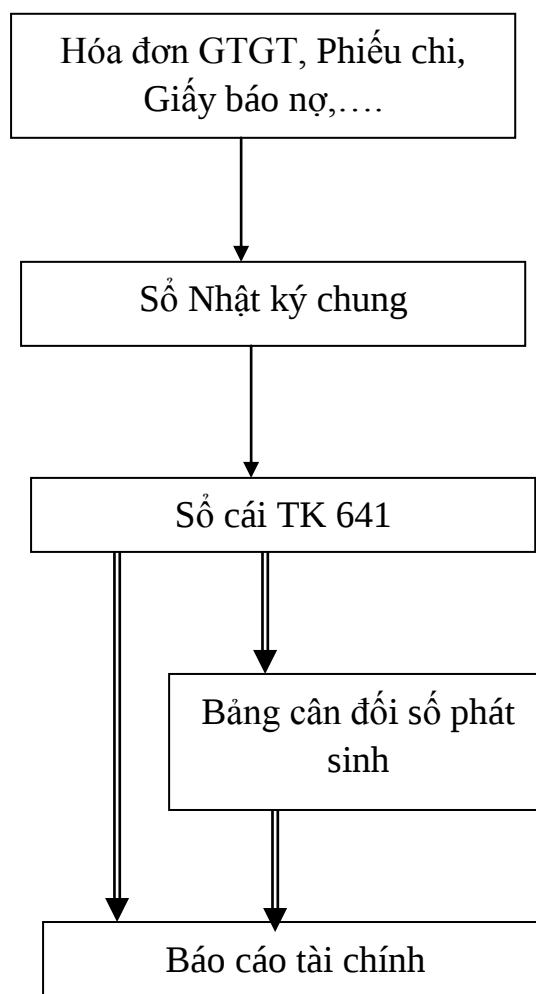
➤ Sổ sách sử dụng:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 641
- + Các sổ sách có liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng:

- + TK 641 – Chi phí bán hàng
- + Các TK khác có liên quan: TK 111, TK 112,...

❖ Quy trình kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ $\Longrightarrow$

SƠ ĐỒ 2.5: QUY TRÌNH KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG

Căn cứ vào HĐ GTGT, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên, kế toán vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 641. Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

★ Khảo sát số liệu Quý IV/ 2012

✦ Ngày 15/12/2012 Phiếu chi số 47/12 thanh toán tiền cước vận chuyển hàng cho khách hàng cho công ty Cổ phần giao nhận vận tải quốc tế Hải Khánh,

tổng số tiền thanh toán là 9.303.756 đồng, thuế GTGT 10% theo HĐ GTGT 0087667 BT/2012B ngày 12/12/2012.

Căn cứ vào HĐ GTGT 0087667 (Biểu số 2.10), Phiếu chi 47/12 (Biểu số 2.11) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 641: 8.457.960

Nợ TK 1331: 845.796

Có TK 111: 9.303.756

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14), sau đó từ sổ nhật ký chung phản ánh vào sổ cái TK 641 (Biểu số 2.15).

Cuối kỳ, từ sổ cái các TK được sử dụng lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

✦ Ngày 31/12/2012, kế toán trích khấu hao tài sản cố định của bộ phận bán hàng số tiền là 44.148.985 đồng.

Căn cứ vào Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ (Biểu số 2.12), Phiếu kế toán 32 (Biểu số 2.13) kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 641 : 44.148.985

Có TK 214 : 44.148.985

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14), sau đó từ sổ nhật ký chung phản ánh vào sổ cái TK 641 (Biểu số 2.15).

Cuối kỳ, từ sổ cái các TK được sử dụng lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 12 tháng 12 năm 2012

Mẫu số 01. GTKT – 3LL

BT/ 2012B

0087667

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần giao nhận vận tải quốc tế Hải Khánh

Địa chỉ: Số 3 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.686052

MST:

0	2	0	0	4	1	4	0	6	1				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Họ tên người mua hàng: Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật

Địa chỉ: Km 9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.749998

MST:

0	2	0	0	2	8	9	9	8	1				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Hình thức thanh toán: TM

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 * 2
1	Vận chuyển thép thanh vằn	Tấn	302,070	28.000	8.457.960
Cộng tiền hàng:					8.457.960
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			845.796
Tổng cộng tiền hàng:					9.303.756
Số tiền bằng chữ: Chín triệu ba trăm linh ba nghìn bảy trăm lăm mươi sáu đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, họ tên)Người bán hàng
(Ký, họ tên)Thủ trưởng đơn vị
Ký, họ tên)**Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật**

Biểu số 2.11: Phiếu chi
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo quyết định số
15/2006 QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ
tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Số: 47/12

Nợ 641,1331
Có 1111

Họ tên người nhận tiền: Hoàng Văn Hiệp

Địa chỉ: Công ty cổ phần giao nhận vận tải quốc tế Hải Khánh

Lý do nộp: Thanh toán cước vận chuyển hàng

Số tiền: **9.303.756 VND**

Bằng chữ: **Chín triệu ba trăm linh ba nghìn bảy trăm lăm mươi sáu đồng chẵn.**

Kèm theo : 01 chứng từ gốc HDGTGT 0087667

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

Kế toán
trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ
tên)

Người lập
phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận
tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ tiền (Viết bằng chữ): **Chín triệu ba trăm linh ba nghìn bảy trăm lăm mươi sáu đồng chẵn.**

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.12: Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****BẢNG TÍNH VÀ TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ**

Tháng 12 năm 2012

STT	Tên TSCĐ	Thời gian trích khấu hao	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Mức khấu hao trong kỳ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I.	Bộ phận BH			4.919.243.527	44.148.985	999.963.101	3.919.280.426
1	Nhà cân và gian bán hàng	300 tháng	8/1999	190.094.914	633.650	101.384.000	88.710.914
2	Bãi để sản phẩm số 1	240 tháng	6/2007	236.292.513	984.552	64.980.432	171.312.081
...		...	...				
II.	Bộ phận QLDN			5.708.363.636	53.967.217	2.439.524.675	3.268.838.961
1	Xe ô tô Lexus	120 tháng	1/2009	1.928.280.000	16.069.000	755.243.000	1.173.037.000
2	Xe MercedesE240	84 tháng	1/2009	1.446.210.000	17.216.785	809.188.895	637.021.105
3	Máy tính xách tay	60 tháng	2/2009	16.422.000	273.700	12.590.200	3.831.800
....							
	Cộng			10.627.607.163	98.116.202	3.439.487.776	7.188.119.387

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)**Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật**

Biểu số 2.13: Phiếu kế toán**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 32**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Trích khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng tháng 12/2012	641	214	44.148.985
	Cộng			44.148.985

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật**

Biểu số 2.14: Sổ Nhật ký chung
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S03a – DN
 (Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của
 Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 (Trích số liệu Quý IV/2012)

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....							
....							
15/12	PC 47/12	15/12	Thanh toán cước vận chuyển	641		8.457.960	
				1331		845.796	
					1111		9.303.756
....							
22/12	HD002502	22/12	Bán thép thanh vằn D18 cho Hùng Phát	131		268.709.100	
			Doanh thu bán thép		5112		244.281.000
			Thuế VAT đầu ra		3331		24.428.100
...	...						
31/12	PKT32	31/12	Trích khấu hao TSCĐ phục vụ BH T12	641		44.148.985	
					214		44.148.985
....							
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911	911		293.834.146	
					641		293.834.146
....					...		
			Cộng phát sinh Quý IV/2012			433.892.084.712	433.892.084.712

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần Thép Việt Nhật

Biểu số 2.15: Sổ cái TK641
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S03b – DN

**(Ban hành theo quyết định số
15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính)**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Trích số liệu Quý IV/2012)

Tài khoản: 641 – Chi phí bán hàng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
....					
PC47/12	15/12	Thanh toán cước vận chuyển cho Hải Khánh	1111	8.457.960	
....					...
PKT32	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	214	44.148.985	
....					
PKT40	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911	911		293.834.146
		Cộng số phát sinh Quý IV/2012		293.834.146	293.834.146

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**❖ Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng****➤ Chứng từ sử dụng:**

- + Phiếu chi, Hóa đơn GTGT
- + Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- + Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Giấy báo nợ của ngân hàng
- + Các chứng từ khác có liên quan

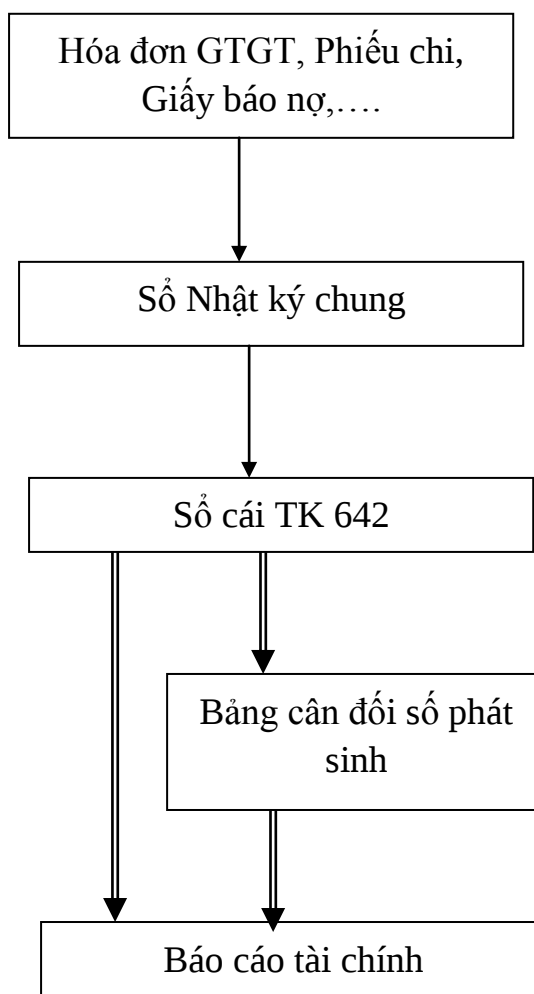
➤ Sổ sách sử dụng:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 642
- + Các sổ sách có liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng:

- + TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Các TK khác có liên quan: TK 111, TK 112,...

❖ Quy trình kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ $\Longrightarrow$

SƠ ĐỒ 2.6: QUY TRÌNH KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Căn cứ vào HĐ GTGT, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên, kế toán vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 642. Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

★ Khảo sát số liệu Quý IV/ 2012

✦ Ngày 29/12/2012, Phiếu chi số 92/12 chi mua văn phòng phẩm tại công ty cổ phần văn phòng phẩm Hải Phòng, mua 16 tập giấy A4, giá mua chưa thuế là 68500 đồng/ tập, VAT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt theo HĐ GTGT 0062197 KY/2012B.

Căn cứ vào HĐ GTGT 0062197 (Biểu số 2.16), Phiếu chi 92/12 (Biểu số 2.17) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 642: 1.096.000

Nợ TK 1331: 109.600

Có TK 1111: 1.205.600

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18), sau đó từ sổ nhật ký chung phản ánh vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.19).

Cuối kỳ, từ sổ cái các TK được sử dụng lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Mẫu số 01. GTKT - 3LL

KY/2012B

0062197

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần văn phòng phẩm Hải Phòng					
Địa chỉ: Số 12A – Phường Hưng Đạo – Quận Dương Kinh – Hải Phòng					
Điện thoại: 0313.828596			Mã số thuế: 0200320916		
Họ và tên người mua hàng: Trần Thị Quỳnh					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật					
Địa chỉ: Km9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Điện thoại: 0313.749998			Mã số thuế: 0200289981		
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Giấy A4	Tập	16	68.500	1.096.000
Cộng tiền hàng					1.096.000
Thuế suất GTGT 10%:					109.600
Tổng cộng thanh toán:					1.205.600
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm linh lăm nghìn sáu trăm đồng chẵn.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.17: Phiếu chi
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số 02 – TT

**(Ban hành theo quyết định số
15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính)**

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Số: 92/12

Nợ 642,1331

Có 1111

Họ tên người nhận tiền: Trần Thị Quỳnh

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do nộp: Chi mua văn phòng phẩm

Số tiền: **1.205.600 VND**

Bằng chữ: **Một triệu hai trăm linh lăm nghìn sáu trăm đồng chẵn.**

Kèm theo : 01 chứng từ gốc HDGTGT 0062197

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập
phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận
tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ tiền (Viết bằng chữ): **Một triệu hai trăm linh lăm nghìn sáu trăm đồng chẵn.**

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.18: Sổ Nhật ký chung
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của
Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
(Trích số liệu Quý IV/2012)

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....							
15/12	PC 47/12	15/12	Thanh toán cước vận chuyển	641		8.457.960	
				1331		845.796	
					1111		9.303.756
....							
22/12	HD002502	22/12	Bán thép thanh vằn D18 cho Hùng Phát	131		268.709.100	
			Doanh thu bán thép		5112		244.281.000
			Thuế VAT đầu ra		3331		24.428.100
...	...						
29/12	PC92/12	29/12	Chi mua văn phòng phẩm	642		1.096.000	
				1331		109.600	
					1111		1.205.600
....					...		
			Cộng phát sinh Quý IV/2012			433.892.084.712	433.892.084.712

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán Công ty cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.19: Sổ cái TK 642
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo quyết định số
15/2006 QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài
chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
(Trích số liệu Quý IV/2012)

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
....					
PC92/12	29/12	Chi mua văn phòng phẩm	1111	1.096.000	
....					
PKT40	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911	911		776.500.922
		Cộng số phát sinh Quý IV/2012		776.500.922	776.500.922

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

2.2.1.4. Kế toán chi phí tài chính

Tại công ty Cổ phần thép Việt Nhật không phát sinh nhiều hoạt động tài chính, chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay ngân hàng.

❖ Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng**➤ Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo nợ của ngân hàng
- + Sổ phụ của ngân hàng, Phiếu chi
- + Các chứng từ khác có liên quan

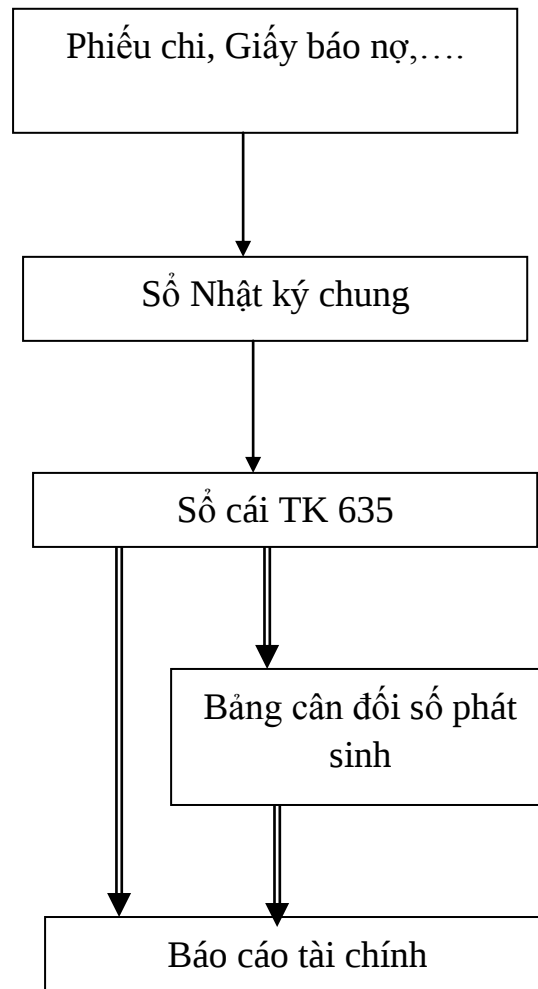
➤ Sổ sách sử dụng:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 635
- + Các sổ sách có liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng:

- + TK 635 – Chi phí tài chính
- + Các TK khác có liên quan: TK 111, TK 112,...

❖ Quy trình kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ $\Longrightarrow$

SƠ ĐỒ 2.7: QUY TRÌNH KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như giấy báo nợ của ngân hàng, phiếu chi,...kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 635.

Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

*** Khảo sát số liệu Quý IV/ 2012**

✦ Ngày 29/12/2012, nhận được giấy báo của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển về tiền lãi phải trả là 20.000.000 đồng.

Căn cứ vào giấy báo nợ (Biểu số 2.20), và các chứng từ có liên quan khác kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 20.000.000

Có TK 1121: 20.000.000

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21), sau đó ghi vào sổ cái TK 635 (Biểu số 2.22).

Cuối kỳ, từ sổ cái các TK được sử dụng lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.20: Giấy báo Nợ

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

BIDV

Mã GDV: HANG

Mã KH: 44048

Số GD: 126

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 29/12/2012

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 02001010005685

Số tiền bằng số : 20.000.000

Số tiền bằng chữ : [+] Hai mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung : ## TRẢ LÃI VAY NGÂN HÀNG ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.21: Sổ Nhật ký chung
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của
Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
(Trích số liệu Quý IV/2012)

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....							
....							
22/12	HD002502	22/12	Bán thép thanh vằn D18 cho Hùng Phát	131		268.709.100	
			Doanh thu bán thép		5112		244.281.000
			Thuế VAT đầu ra		3331		24.428.100
...	...						
29/12	GBN126/ĐT	29/12	Trà lãi cho NH đầu tư và phát triển	635		20.000.000	
					1121		20.000.000
....							
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911	911		135.625.598	
					635		135.625.598
....					...		
			Cộng phát sinh Quý IV/2012			433.892.084.712	433.892.084.712

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán Công ty cổ phần Thép Việt Nhật

Biểu số 2.22: Sổ cái TK 635
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo quyết định số
15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
(Trích số liệu Quý IV/2012)
Tài khoản: 635 – Chi phí tài chính

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
....					
GBN126/ĐT	29/12	Trả lãi vay ngân hàng Đầu tư và phát triển	1121	20.000.000	
....					...
PKT40	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911	911		135.625.598
		Cộng số phát sinh Quý IV/2012		135.625.598	135.625.598

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

2.2.1.5. Kế toán chi phí khác

Trong Quý IV/ Năm 2012, Công ty Cổ phần thép Việt Nhật không phát sinh các khoản chi phí khác.

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu tại công ty.**2.2.2.1. Phương thức bán hàng và thanh toán tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật.****❖ Phương thức bán hàng**

Công ty thực hiện phương thức tiêu thụ hàng hóa bao gồm cả bán buôn và bán lẻ.

- Bán buôn: Hàng hóa được bán theo khối lượng lớn. Hình thức bán buôn mà công ty áp dụng là hình thức bán buôn qua kho theo phương pháp giao hàng trực tiếp hay chuyển hàng theo hợp đồng.

- Bán lẻ: Là hình thức bán hàng hóa với số lượng nhỏ. Hình thức bán lẻ mà công ty áp dụng là hình thức bán lẻ trực tiếp.

❖ Phương thức thanh toán

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty chủ yếu là từ bán thép thành phẩm và phôi thép – nguyên vật liệu chính để sản xuất thép thành phẩm. Các phương thức thanh toán tiền hàng áp dụng tại công ty là:

+ Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng cho khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

+ Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho những khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

+ Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi người bán thực hiện giao hàng xong, người mua ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Hình thức này bao gồm thanh toán bằng séc, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

2.2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng**❖ Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng****➤ Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có của ngân hàng, ủy nhiệm thu
- + Các chứng từ khác có liên quan

➤ Sổ sách sử dụng:

- + Sổ chi tiết bán hàng
- + Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng
- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ cái TK 511,...
- + Các sổ sách có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh doanh thu bán hàng một cách chi tiết và cụ thể, Công ty đã sử dụng:

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong đó chi tiết:
 - + TK 5111: Doanh thu bán phôi thép
 - + TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm thép

Do công ty gồm nhiều loại thành phẩm thép khác nhau nên TK 5112 được mở chi tiết:

TK 51121 – Doanh thu bán thép thanh vằn

TK 51122 – Doanh thu bán thép ống tròn

TK 51123 – Doanh thu bán thép tròn cuộn

TK 51124 – Doanh thu bán thép lá cán nguội

...

Trong đó, thép thanh vằn kế toán lại mở TK chi tiết để theo dõi tiếp:

TK 511211: Doanh thu bán thép thanh vằn D10

TK 511212: Doanh thu bán thép thanh vằn D12

TK 511213: Doanh thu bán thép thanh vằn D16

TK 511214: Doanh thu bán thép thanh vằn D18

TK 511215: Doanh thu bán thép thanh vằn D19

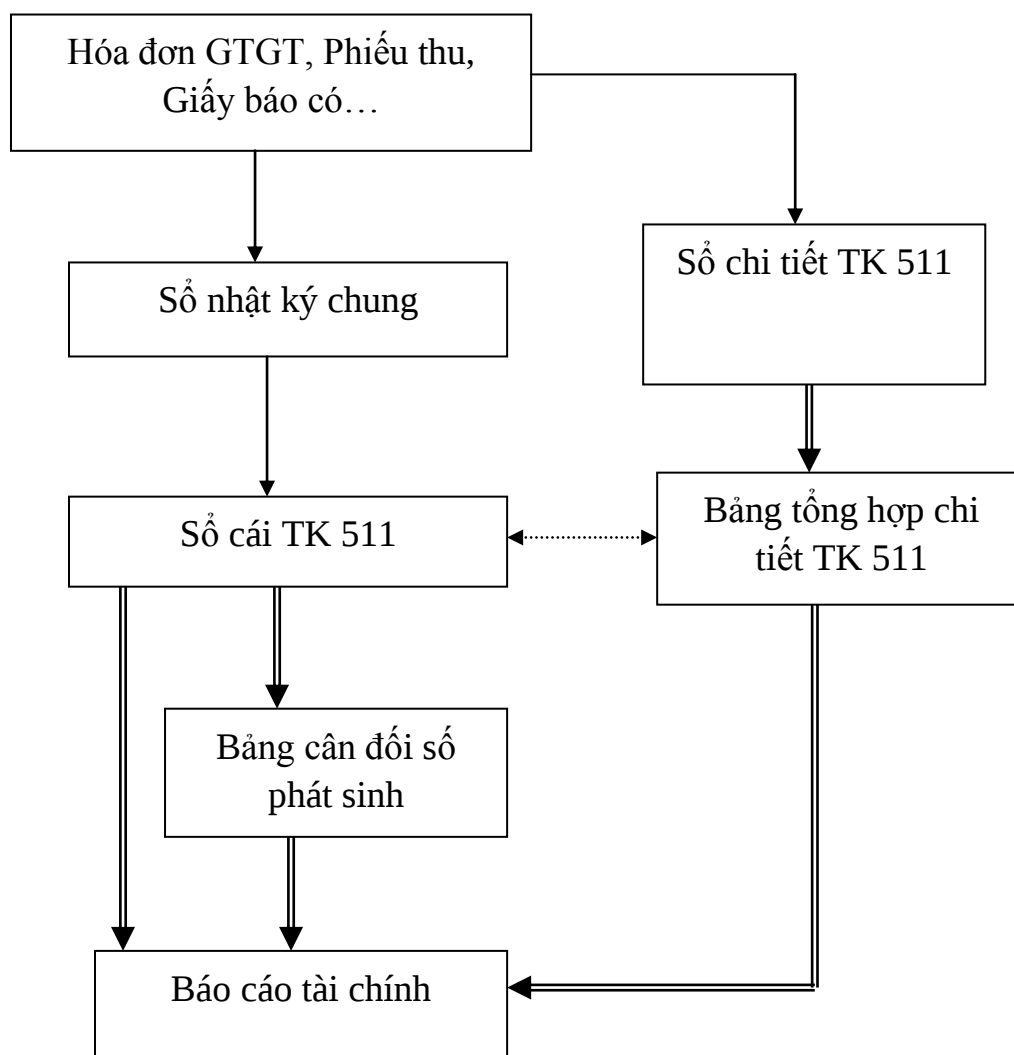
...

- Các tài khoản khác có liên quan.

❖ **Quy trình kế toán**

Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh kế toán viết phiếu xuất kho, phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Sau đó, Kế toán viết hóa đơn bán hàng (HĐGTGT) được lập thành 3 liên:

- Liên 1 (Màu tím): Liên gốc lưu tại quyền hóa đơn.
- Liên 2 (Màu đỏ): Giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hóa và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.
- Liên 3 (Màu xanh): Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

SƠ ĐỒ 2.8: QUY TRÌNH KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 511. Đồng thời với việc ghi vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào sổ chi tiết bán hàng.

Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết TK 511 làm căn cứ lập bảng tổng hợp chi tiết TK 511. Cùng với đó, tại thời điểm cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái TK 511 lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau đó, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản để lập báo cáo tài chính.

★ Khảo sát số liệu Quý IV/ 2012

✦ Ngày 17/12/2012, xuất kho 22.300 kg thép thanh vằn D12 bán cho công ty Sơn Trường với giá bán chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 16.000 đồng/kg, khách hàng chậm thanh toán.

Căn cứ vào HĐGTGT số 002496 (Biểu số 2.23) và các chứng từ khác liên quan, kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131 : 392.480.000

Có TK 511212 : 356.800.000

Có TK 3331 : 35.680.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.25), đồng thời ghi vào sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 2.26). Từ sổ chi tiết bán hàng lập Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng (Biểu số 2.28), Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng (Biểu số 2.29). Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (Biểu số 2.30). Cuối kỳ, từ sổ cái các TK được sử dụng lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính.

✦ Ngày 22/12/2012, xuất kho 15.220 kg thép thanh vằn D18 bán cho công ty cổ phần xây dựng thương mại Hùng Phát với giá bán chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 16.050 đồng/kg, khách hàng chậm thanh toán.

Căn cứ vào HĐGTGT số 002502 (Biểu số 2.24) và các chứng từ khác liên quan, kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131 : 268.709.100

Có TK 511214 : 244.281.000

Có TK 3331 : 24.428.100

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.25), đồng thời ghi vào sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 2.27). Từ sổ chi tiết bán hàng lập Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng (Biểu số 2.28), Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng (Biểu số 2.29). Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511(Biểu số 2.30). Cuối kỳ, từ sổ cái các TK được sử dụng lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.23: Hóa đơn GTGT

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 17 tháng 12 năm 2012

Mẫu số 01. GTKT - 3LL

LR/2012B

002496

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thép Việt Nhật					
Địa chỉ: Km9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – Hải Phòng					
Điện thoại: 0313.749998			Mã số thuế: 0200289981		
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Sơn Trường					
Địa chỉ: Số 159 Đường Bạch Đằng – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Điện thoại:			Mã số thuế: 0800004797		
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán					
STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Thép thanh vằn D12	Kg	22.300	16.000	356.800.000
Cộng tiền hàng					356.800.000
Thuế suất GTGT 10%:					35.680.000
Tổng cộng thanh toán:					392.480.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm chín mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.24: Hóa đơn GTGT**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 22 tháng 12 năm 2012

Mẫu số 01. GTKT - 3LL

LR/2012B

002502

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thép Việt Nhật					
Địa chỉ: Km9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – Hải Phòng					
Điện thoại: 0313.749998			Mã số thuế: 0200289981		
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần XD & TM Hùng Phát					
Địa chỉ: Số 9/49 Tôn Đức – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Điện thoại:			Mã số thuế: 0200793010		
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán					
STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Thép thanh vằn D18	Kg	15.220	16.050	244.281.000
Cộng tiền hàng					244.281.000
Thuế suất GTGT 10%:					24.428.100
Tổng cộng thanh toán:					268.709.100
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm linh chín nghìn một trăm đồng chẵn.					

Người mua hàng

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.25: Sổ Nhật ký chung**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****Mẫu số S03a – DN****(Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)****SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
(Trích số liệu Quý IV/2012)**Đơn vị tính: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....							
17/12	HD002496	17/12	Bán thép thanh vằn D12 cho Sơn Trường	131		392.480.000	
			Doanh thu bán thép		5112		356.800.000
			Thuế VAT đầu ra		3331		35.680.000
....							
22/12	HD002502	22/12	Bán thép thanh vằn D18 cho Hùng Phát	131		268.709.100	
			Doanh thu bán thép		5112		244.281.000
			Thuế VAT đầu ra		3331		24.428.100
...	...						
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sang TK 911	511		59.380.179.930	
					911		59.380.179.930
....					...		
			Cộng phát sinh Quý IV/2012			433.892.084.712	433.892.084.712

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)**Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật**

Biểu số 2.26: Sổ chi tiết bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S35– DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
TK 511 – 511212
Tên thành phẩm: Thép thanh vằn D12
(Trích số liệu Quý IV/2012)

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
....							
9/12	HD002491	9/12	Bán cho C.ty MTV319	131	12.125	15.500	187.937.500
10/12	HD002492	10/12	Bán cho anh Long	1111	1.100	16.500	18.150.000
....							
17/12	HD002496	17/12	Bán cho Sơn Trường	131	22.300	16.000	356.800.000
....							
			Cộng tháng 12/2012				884.788.051

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.27: Sổ chi tiết bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S35– DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
TK 511 – 511214
Tên thành phẩm: Thép thanh vằn D18
(Trích số liệu Quý IV/2012)

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
....							
7/12	HD002480	7/12	Bán cho Khánh Ngọc	131	4.905	16.000	78.480.000
....							
12/12	HD002493	12/12	Bán cho Ngọc Lâm	1111	1.200	16.300	19.560.000
....							
22/12	HD002502	22/12	Bán cho Hùng Phát	131	15.220	16.050	244.281.000
....							
			Cộng tháng 12/2012				730.829.094

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.28: Bảng tổng hợp doanh thu theo mặt hàng**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU THEO MẶT HÀNG****Tên thành phẩm: Thép thanh vằn****(Trích số liệu Quý IV/2012)**

STT	Số hiệu TK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	511211	Thép thanh vằn D10 T12	584.995.761	584.995.761	
2	511212	Thép thanh vằn D12 T12	884.788.051	884.788.051	
3	511213	Thép thanh vằn D16 T12	422.789.719	422.789.719	
4	511214	Thép thanh vằn D18 T12	730.829.094	730.829.094	
5	511215	Thép thanh vằn D19 T12	623.139.732	623.139.732	
6	511216	Thép thanh vằn D20 T12	712.375.297	712.375.297	
....					
		Tổng cộng Quý IV/2012	20.044.120.330	20.044.120.330	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.29: Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG****(Trích số liệu Quý IV/2012)**

STT	Số hiệu TK chi tiết	Tên thành phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	51121	Thép thanh vằn	20.044.120.330	20.044.120.330	
2	51122	Thép ống tròn	16.703.433.610	16.703.433.610	
3	51123	Thép tròn cuộn	14.317.228.810	14.317.228.810	
4	51124	Thép lá cán nguội	6.681.373.443	6.681.373.443	
....					
		Tổng cộng Quý IV/2012	59.380.179.930	59.380.179.930	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.30: Sổ cái TK 511**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toa – HP****Mẫu số S03b – DN****(Ban hành theo quyết định số
15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính)****SỔ CÁI TÀI KHOẢN****(Trích số liệu Quý IV/2012)****Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
....					
HD002496	17/12	Bán thép thanh vằn D12 cho Sơn Trường	131		356.800.000
....					
HD002502	22/12	Bán thép thanh vằn D18 cho Hùng Phát	131		244.281.000
....					
PKT41	31/12	Kết chuyển DT bán hàng và cung cấp dịch vụ sang TK 911	911	59.380.179.930	
		Cộng số phát sinh Quý IV/2012		59.380.179.930	59.380.179.930

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

2.2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty cổ phần Thép Việt Nhật chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi từ ngân hàng.

❖ Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng**➤ Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu...
- + Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty
- + Các chứng từ khác có liên quan

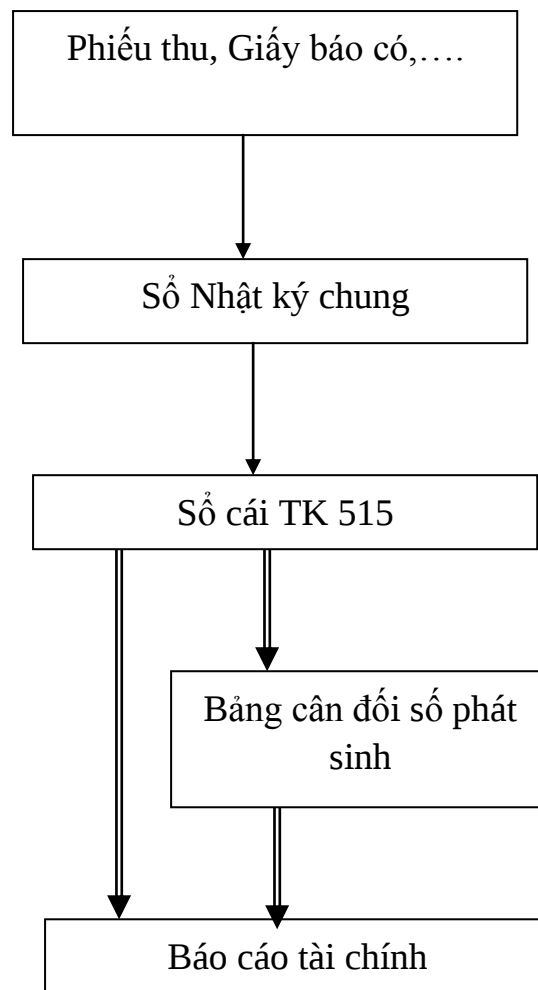
➤ Sổ sách sử dụng:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 515
- + Các sổ sách có liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng:

- + TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- + TK 111, 112 – Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng
- + Các TK khác có liên quan

❖ Quy trình kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ $\Longrightarrow$

SƠ ĐỒ 2.9: QUY TRÌNH KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu,... kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 515.

Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

*** Khảo sát số liệu Quý IV/ 2012**

✦ Ngày 29/12, Ngân hàng Đầu tư và phát triển trả lãi tiền gửi số tiền là 870.131 nhập vào tài khoản TGNH.

Căn cứ vào Giấy báo có (Biểu số 2.31) và các chứng từ có liên quan khác, Kế toán định khoản:

Nợ TK 1121: 870.131

Có TK 515: 870.131

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.32). Sau đó từ sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.33). Cuối kỳ, từ sổ cái của các TK có liên quan kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.31: Giấy báo Có

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BIDV

Mã GDV: HANG
Mã KH: 44048
Số GD: 120

GIẤY BÁO CÓ
Ngày 29/12/2012

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 02001010005685

Số tiền bằng số : 870.131

Số tiền bằng chữ : [+] Tám trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi một đồng chẵn.

Nội dung : ## LÃI NHẬP GỐC ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.32: Sổ Nhật ký chung**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****Mẫu số S03a – DN****(Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)****SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
(Trích số liệu Quý IV/2012)**Đơn vị tính: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....							
29/12	GBC120/ĐT	29/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng đầu tư và phát triển	1121		870.131	
					515		870.131
...							
31/12	GBC136/AC	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	1121		3.293.667	
					515		3.293.667
31/12	GBC130/SEA	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng SEABANK	1121		752.099	
					515		752.099
....				...	...		
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911	515		36.290.967	
					911		36.290.967
....					...		
			Cộng phát sinh Quý IV/2012			433.892.084.712	433.892.084.712

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)**Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật**

Biểu số 2.33: Sổ cái TK 515
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S03b – DN

**(Ban hành theo quyết định số
15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính)**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Trích số liệu Quý IV/2012)

Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
....					
GBC120/ĐT	29/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng đầu tư và phát triển	1121		870.131
....					
GBC130/SEA	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng SEABANK	1121		752.099
....			...		
PKT41	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911	911	36.290.967	
		Cộng phát sinh Quý IV/2012		36.290.967	36.290.967

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

2.2.2.4. Kế toán thu nhập khác

Trong Quý IV/ Năm 2012, Công ty Cổ phần thép Việt Nhật không phát sinh các khoản thu nhập khác.

2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Đối với công ty cổ phần Thép Việt Nhật kết quả kinh doanh được thể hiện qua:

- + Kết quả hoạt động bán hàng

- + Kết quả hoạt động tài chính

- ❖ Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Kế toán hạch toán xác định kết quả kinh doanh trên TK 911, TK 421.

Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính sang bên Có TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính sang bên Nợ TK 911.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421

Nợ TK 421

Có TK 911

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911 chứng tỏ trong kỳ doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

- + Xác định thu nhập chịu thuế = Σ SPS Bên Có TK 911 - Σ SPS Bên Nợ TK 911

- + Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

Kế toán xác định số lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp là khoản lợi nhuận sau thuế để kết chuyển sang bên Có TK 421

Nợ TK 911

Có TK 421

Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu để lập Báo cáo tài chính.

❖ **Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng**

➤ Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

➤ Sổ sách sử dụng:

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 911, 421, 821

+ Các sổ sách có liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng:

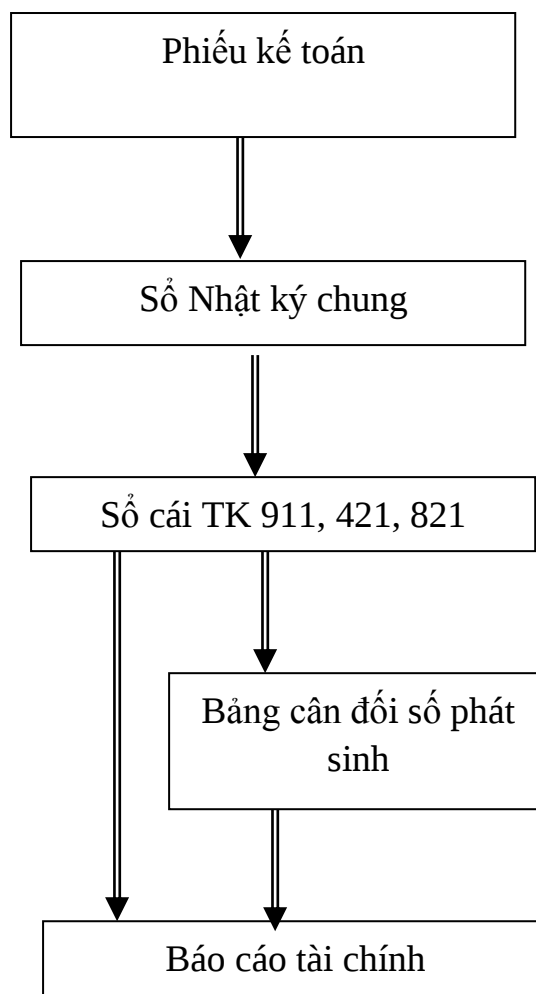
+ TK 911 – Kết quả kinh doanh

+ TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

+ TK 821 – Chi phí thuế TNDN

+ Các TK khác có liên quan

❖ **Quy trình kế toán**



Ghi chú:

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ $\implies$

SƠ ĐỒ 2.11: QUY TRÌNH KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

* Khảo sát số liệu Quý IV/ 2012

✦ Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh Quý IV/2012 như sau:

- Tổng số phát sinh Bên Có TK 911 trong Quý IV/2012:

+ Kết chuyển Doanh thu thuần	59.380.179.930
+ Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	36.290.967
Tổng:	59.416.470.897

- Tổng số phát sinh Bên Nợ TK 911 trong Quý IV/2012:

+ Kết chuyển Giá vốn hàng bán	57.559.711.783
+ Kết chuyển Chi phí bán hàng	293.834.146
+ Kết chuyển Chi phí QLDN	776.500.922
+ Kết chuyển Chi phí tài chính	135.625.598
Tổng:	58.765.672.450

- Thu nhập chịu thuế = $59.416.470.897 - 58.765.672.450 = 650.798.444$

- Thuế TNDN phải nộp = $650.798.444 \times 25\% = 162.699.611$

- Lợi nhuận sau thuế = $650.798.444 - 162.699.611 = 488.098.833$

Dựa vào các kết quả tính toán được kế toán lập phiếu kế toán số 40 kết chuyển chi phí (Biểu số 2.34), phiếu kế toán số 41 kết chuyển doanh thu (Biểu số 2.35), phiếu kế toán số 42 xác định chi phí thuế TNDN (Biểu số 2.36), phiếu kế toán số 43 kết chuyển chi phí thuế TNDN (Biểu số 2.37) và phiếu kế toán số 44 kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối (Biểu số 2.38) để làm căn cứ ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.39). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào sổ cái TK 821 (Biểu số 2.40), sổ cái TK 911 (Biểu số 2.41), sổ cái TK 421 (Biểu số 2.42).

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính

Biểu số 2.34: Phiếu kế toán**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toa – HP****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 40**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển 632 → 911	911	632	57.559.711.783
2	Kết chuyển 641 → 911	911	641	293.834.146
3	Kết chuyển 642 → 911	911	642	776.500.922
4	Kết chuyển 635 → 911	911	635	135.625.598
	Cộng			58.765.672.450

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.35: Phiếu kế toán**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toa – HP****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 41**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển 511→ 911	511	911	59.380.179.930
2	Kết chuyển 515→ 911	515	911	36.290.967
	Cộng			59.416.470.897

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật**

Biểu số 2.36: Phiếu kế toán**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toa – HP****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 42**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định chi phí Thuế TNDN	8211	3334	162.699.611
	Cộng			162.699.611

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật**

Biểu số 2.37: Phiếu kế toán
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP
PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Số: 43

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí Thuế TNDN	911	821	162.699.611
	Cộng			162.699.611

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.38: Phiếu kế toán
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP
PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Số: 44

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911	421	488.098.833
	Cộng			488.098.833

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.39: Sổ Nhật ký chung
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
(Trích số liệu Quý IV/2012)

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....							
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển chi phí	911		58.765.672.450	
					632		57.559.711.783
					641		293.834.146
					642		776.500.922
					635		135.625.598
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển Doanh thu	511		59.380.179.930	
				515		36.290.967	
					911		59.416.470.897
31/12	PKT42	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	821		162.699.611	
					3334		162.699.611
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		162.699.611	
					8211		162.699.611
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển LNST	911		488.098.833	
					421		488.098.833
			Cộng phát sinh Quý IV/2012			433.892.084.712	433.892.084.712

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán Công ty cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.40: Sổ cái TK 821**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Mẫu số S03b – DN****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****(Ban hành theo quyết định số****15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006****của Bộ trưởng Bộ tài chính)****SỔ CÁI TÀI KHOẢN****(Trích số liệu Quý IV/2012)****Tài khoản: 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
PKT42	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp Quý IV/2012	3334	162.699.611	
PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		162.699.611
		Cộng phát sinh Quý IV/2012		162.699.611	162.699.611

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.41: Sổ Cái TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo quyết định số
15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
(Trích số liệu Quý IV/2012)
Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
PKT40	31/12	Kết chuyển GVHB	632	57.559.711.783	
PKT40	31/12	Kết chuyển CPBH	641	293.834.146	
PKT40	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	776.500.922	
PKT40	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	135.625.598	
PKT41	31/12	K/c DTBH và cung cấp DV	511		59.380.179.930
PKT41	31/12	K/c DT hoạt động tc	515		36.290.967
PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211	162.699.611	
PKT44	31/12	Kết chuyển LNST	421	488.098.833	
		Cộng phát sinh Quý IV/2012		59.416.470.897	59.416.470.897

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Biểu số 2.42: Sổ cái TK 421**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****Mẫu số S03b – DN****(Ban hành theo quyết định số****15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006****của Bộ trưởng Bộ tài chính)****SỔ CÁI TÀI KHOẢN****(Trích số liệu Quý IV/2012)****Tài khoản: 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			1.015.286.231
		Số phát sinh			
PKT44	31/12	Kết chuyển LNST Quý IV/2012	911		488.098.833
		Cộng phát sinh Quý IV/2012			488.098.833
		<u>SDCK</u>			1.503.385.064

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành, công ty đã và đang nỗ lực không ngừng tìm ra cho mình những bước đi mới, phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trong nước. Đặc biệt với bộ máy kế toán tổ chức hoàn chỉnh chặt chẽ tạo thành một thể thống nhất, đội ngũ nhân viên nhiệt tình trong công việc được bố trí phù hợp với khả năng của mỗi người, hệ thống sổ sách sử dụng được thiết lập trên mẫu quy định không phức tạp nhưng phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã góp phần đắc lực vào công tác quản lý, giám sát tài chính của công ty, giúp công ty từng bước hòa nhập với nhịp điệu phát triển kinh tế của đất nước, chủ động trong hoạt động kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đạt được những kết quả như sau:

3.1.1. Ưu điểm

➤ Về bộ máy kế toán

Mỗi người trong phòng kế toán đều có một chức năng, nhiệm vụ, do đó công việc tổ chức kế toán nói chung và tổ chức doanh thu nói riêng sẽ diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu kế toán cũng sẽ đảm bảo chính xác hơn. Sau khi đã có những số liệu tổng hợp do những nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tập hợp và tính toán kết quả cuối cùng nó sẽ đảm bảo tính khoa học trong công việc.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của công ty.

➤ **Về việc vận dụng hệ thống tài khoản, chứng từ và sổ sách kế toán**

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hình thức sổ được sử dụng hiện nay ở Công ty là hình thức Nhật ký chung – đây là hình thức ghi chép đơn giản, thuận tiện.

Nhìn chung, hệ thống chứng từ tại Công ty được tổ chức đầy đủ và hợp lý căn cứ trên các quy định của chế độ chứng từ kế toán do Bộ tài chính ban hành và đặc điểm kinh doanh của công ty. Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

Sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả hoạt động là hợp lý vì nó vừa đảm bảo tính chính xác khoa học đồng thời nó đảm bảo tính đơn giản dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra đối chiếu khi cần.

➤ **Về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh**

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời. Giúp công ty nắm bắt được các khoản chi hợp lý, hợp lệ nhằm điều chỉnh thu chi của doanh nghiệp.

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi tiết từng loại

doanh thu, chi tiết từng mặt hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình ứ đọng vốn, hàng hóa và xác định được cụ thể những mặt hàng tiềm năng và mặt hàng còn hạn chế.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

➤ Về việc luân chuyển chứng từ

Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

➤ Về việc áp dụng chính sách ưu đãi

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh của công ty đóng vai trò rất quan trọng. Nó sẽ tạo sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng vì tâm lý khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu trên thị trường và được hưởng các chính sách ưu đãi. Nhưng hiện nay công ty lại không áp dụng các chính sách ưu đãi như chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán,... Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp sẽ phần nào làm giảm số lượng khách hàng đến với công ty, góp phần làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, việc thu hồi vốn phục vụ cho quá trình kinh doanh chậm.

➤ Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Số lượng khách hàng của công ty tương đối nhiều với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của các khách hàng với công ty đôi khi còn rất chậm, thậm chí có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi được nợ. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể

không thanh toán được. Nhưng doanh nghiệp lại không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro.

➤ **Về việc sử dụng phần mềm kế toán**

Công ty đã sử dụng tin học trong việc hạch toán kế toán bằng những công cụ hỗ trợ như word và excel. Nhưng với việc phát triển nền kinh tế trong thời đại tiên tiến như bây giờ thì việc sử dụng các phần mềm kế toán sẽ có rất nhiều thuận lợi, trong khi đó công ty vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, xác định chi phí, doanh thu và kết quả hoạt động là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán chi phí doanh thu và xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng chi phí, doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều phải có một cơ chế quản lý tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

➤ Về việc luân chuyển chứng từ

Việc lưu giữ và luân chuyển chứng từ chưa có khoa học dễ dẫn đến hiện tượng mất mát chứng từ. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên đều phải ký nhận vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty. Đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung. Dưới đây, em xin mở phiếu giao nhận chứng từ (Biểu số 3.1)

Biểu số 3.1: Phiếu giao nhận chứng từ**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Từ ngày.... đến ngày

Tên chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số lượng chứng từ	Số tiền	Ký nhận
1	2	3	4	5

➤ Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi**• Chiết khấu thương mại**

Đối với những khách hàng lớn và tiềm năng công ty nên có chính sách chiết khấu thương mại giảm giá hàng bán một cách cần thiết để giữ khách và tạo mối quan hệ khăng khít lâu dài, duy trì khả năng tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp trong thời điểm nền kinh tế thị trường đang trong giai đoạn bão hòa như hiện nay.

Công ty có thể phân cấp khách hàng và lập một hệ thống theo dõi và quản lý doanh thu chi tiết với đối tượng khách hàng này để có chiến lược chăm sóc và chính sách ưu đãi cụ thể.

Công ty có thể phân ra các đối tượng khách hàng như: khách hàng công tác lâu năm và khách hàng tiềm năng tiêu thụ với số lượng lớn; với khách hàng đã cung cấp lâu năm nên có tỷ lệ chiết khấu cố định (từ 4-5%), còn với khách hàng tiềm năng ta nên có chính sách ưu đãi trên từng giá trị của đơn hàng cụ thể (dưới 200 triệu chiết khấu 1%, trên 200 triệu chiết khấu 2-3%) kết hợp theo dõi chi tiết tần suất giao dịch cũng như doanh thu tiêu thụ của đối tượng khách hàng trên để xác định một tỷ lệ chiết khấu cố định lâu dài.

* Phương pháp hạch toán chiết khấu thương mại của công ty:

Chiết khấu thương mại được hạch toán vào TK 521 và được hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112 – Thanh toán ngay

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

- Cuối kỳ, kết chuyển CKTM được công ty chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 – Chiết khấu thương mại

Ví dụ: Trong quý 1, quý 2, quý 3 năm 2012 công ty xây dựng Hải Nguyên thường xuyên kí kết hợp đồng mua bán có giá trị lớn đối với công ty, được đánh giá là khách hàng tiềm năng. Ngày 31/12/2012, công ty XD Hải Nguyên mua thép với tổng giá trị là 540 triệu. Công ty dùng chiết khấu thương mại chiết khấu cho công ty XD Hải Nguyên 2%

Như vậy, số tiền chiết khấu thương mại mà công ty XD Hải Nguyên được hưởng là: $2\% \times 540.000.000 = 10.800.000$ đồng.

Kế toán định khoản: - Nợ TK 521 : 10.800.000

Nợ TK 3331 : 1.080.000

Có TK 131 : 11.880.000

- Nợ TK 511 : 10.800.000

Có TK 521 : 10.800.000

Kế toán lập phiếu kế toán để ghi nhận khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng (Biểu số 3.2). Sau đó căn cứ vào phiếu kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 521.

Biểu số 3.2: Phiếu kế toán**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: ...**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Chiết khấu thương mại cho khách hàng	521	131	10.800.000
	Cộng			10.800.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

• Chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định.

Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thanh toán. Như vậy, công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng cường vòng quay, luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và hạn chế được các khoản đi vay của công ty. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành.
- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi xuất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
- Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.
- Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian.

Sau khi tham khảo mức chiết khấu thanh toán các công ty cùng ngành, công ty có thể xây dựng mức chiết khấu như sau:

- Nếu thanh toán từ 1 đến 5 ngày sẽ được hưởng chiết khấu 1,5%
- Nếu thanh toán từ 6 đến 10 ngày sẽ được hưởng chiết khấu 1%
- Nếu thanh toán từ 11 đến 15 ngày sẽ được hưởng chiết khấu 0,5%

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ Chi phí tài chính ”.

- Phản ánh số chiết khấu thanh toán mà khách hàng được hưởng kết toán ghi:

Nợ TK 635 – Số chiết khấu thanh toán dành cho người mua

Có TK 131,111,112 – Số tiền trả cho người mua

- Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thanh toán đã chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911 – xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chiết khấu thanh toán

Ví dụ: Ngày 28/12/2012 công ty bán thép thanh vằn cho công ty TNHH Toàn Thắng theo HĐ 0029596. Tổng số tiền thanh toán là 193.011.664 đồng (VAT 10%). Công ty TNHH Toàn Thắng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản.

Giả sử công ty cho công ty TNHH Toàn Thắng hưởng chiết khấu thanh toán 1.5% tổng số tiền thanh toán .

Như vậy số tiền chiết khấu thanh toán công ty TNHH Toàn Thắng được hưởng là: $193.011.664 \times 1.5\% = 2.895.175$ đồng.

Kế toán định khoản: - Nợ TK 635 : 2.895.175

Có TK 112 : 2.895.175

- Nợ TK 911 : 2.895.175

Có TK 635 : 2.895.175

Kế toán lập phiếu kế toán để ghi nhận khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng (Biểu số 3.3). Sau đó căn cứ vào phiếu kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 635.

Biểu số 3.3: Phiếu kế toán**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: ...**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Chiết khấu thanh toán cho khách hàng	635	112	2.895.175
	Cộng			2.895.175

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

➤ Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:

- Nợ phải thu đã qua hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.
- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Phương pháp xác định

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng

và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\frac{\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập}}{\text{Nợ phải thu khó đòi}} = \frac{\text{Số \% có khả năng mất}}{\text{Số \% có khả năng mất}} \times$$

Mức trích lập: (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

Tài khoản sử dụng: TK 139

Phương pháp hạch toán

- Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642

Có TK 139

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK 139

Có TK 642

- Xóa nợ

Nợ TK 139: Nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK 642: Nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK 131

Có TK 138

Đồng thời ghi Nợ TK 004

- Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111,112...

Có TK 711

Đồng thời ghi Có TK 004

Biểu số 3.4: Báo cáo tình hình công nợ**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT****Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toa – HP****BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2012**

STT	Tên khách hàng	Công nợ đến 31/12/2010		Ghi chú
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	C.ty XD Cầu 75	21.584.699		Phát sinh ngày 31/8/2011, hạn thanh toán 24/10/2011 đã quá hạn thanh toán 1 năm 2 tháng
2	C.ty CP Đức Việt		7.562.974	Khách hàng đặt tiền trước
3	C.ty Công Nghệ Việt	9.476.200		Đang chờ lệnh chuyển có của ngân hàng
4	C.ty Hoàng Đại	18.700.950		Phát sinh ngày 25/2/2012, hạn thanh toán 30/04/2012 đã quá hạn thanh toán 8 tháng
....				
	Cộng	83.097.932	24.353.471	

Nguồn trích dẫn: Số liệu phòng kế toán công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Dựa theo báo cáo trên thì công ty cần trích lập dự phòng trong năm 2012 đối với khoản nợ:

- Khoản nợ 21.584.699 đồng của công ty XD Cầu 75 theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán 24/10/2011 đã quá hạn thanh toán 1 năm 2 tháng.
- Khoản nợ 18.700.950 đồng của công ty Hoàng Đại theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán 30/04/2012 đã quá hạn thanh toán 8 tháng.

Tuy nhiên, Công ty không tiến hành trích lập dự phòng.

Ví dụ: Giả sử ngày 31/12/2012, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên báo cáo tình hình công nợ (Biểu số 3.4) như sau:

Tổng số tiền cần trích lập dự phòng:

$$21.584.699 + 18.700.950 = 40.285.649 \text{ đồng}$$

Số dự phòng phải thu khó đòi:

$$21.584.699 \times 50\% + 18.700.950 \times 30\% = 16.402.634 \text{ đồng}$$

Kế toán định khoản: Nợ TK 642 : 16.402.634

Có TK 139 : 16.402.634

Kế toán lập phiếu kế toán để ghi nhận khoản lập dự phòng nợ phải thu (Biểu số 3.5). Sau đó căn cứ vào phiếu kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 642.

Biểu số 3.5: Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9 – Quốc lộ 5 – Quán Toan – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: ...

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	642	139	16.402.634
	Cộng			16.402.634

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

➤ Về việc sử dụng phần mềm kế toán

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SASINNOVA... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty và đưa các kế toán đi đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và cách sử dụng phần mềm kế toán. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng chính xác nhất phục vụ cho công việc quản trị của giám đốc. Giúp giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho đối tượng bên ngoài. Đồng thời giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để họ có thể dành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

KẾT LUẬN

Việc kinh doanh hàng hóa của doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp làm chiếc cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng với mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng bán ra đồng thời giảm thiểu chi phí nhưng không làm giảm chất lượng hàng hóa dịch vụ. Đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh – là một ngành kinh tế mang tính tổng hợp cao, sản phẩm của ngành ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng và phong phú của người tiêu dùng hơn.

Qua thời gian thực tập, thực tế làm việc và tìm hiểu về mô hình cũng như công tác tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty cổ phần Thép Việt Nhật và em xin chọn đề tài “ Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Việt Nhật ” cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình. Bằng bài khóa luận tốt nghiệp, em xin đóng góp một vài ý kiến nhỏ bé góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung.

Tuy nhiên, do vấn đề này là tổng hợp, phức tạp, khó đánh giá chính xác đòi hỏi người nghiên cứu phải có kiến thức sâu rộng và sử dụng nhiều phương pháp khác nhau trong phân tích. Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế và thời gian nghiên cứu có hạn nên nội dung của khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và các anh chị trong phòng kế toán tại Công ty cổ phần Thép Việt Nhật để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo - Ths. Lương Khánh Chi, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của Công ty cùng toàn thể các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này .

Hải Phòng, ... ngày ... tháng ... năm ...

Sinh viên

Nguyễn Thúy Huyền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính – Nhà xuất bản thống kê.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, Nhà xuất bản tài chính.
3. Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”.
4. Tài liệu, sổ sách kế toán do công ty cổ phần Thép Việt Nhật cung cấp.
5. Một số luận văn khóa trước.

